

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN - INCOMFISH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/1999, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 16/10/2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số:170...../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM cấp ngày 11 tháng 12 năm 2007)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- ❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản**
Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM
- ❖ **Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
- ❖ **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội**
Lầu 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Trịnh Bá Hoàng – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Q. Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (848) 7 653 145 Fax: (848) 7 652 162

Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 10 năm 2007

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP.HCM CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN - INCOMFISH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/1999, đăng ký thay đổi lần 14 ngày 16/10/2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

(Quyết định chấp thuận đăng ký niêm yết số:/.....do Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM cấp ngàytháng... năm 2007)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

- ❖ **Trụ sở Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản**
Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP. HCM
- ❖ **Trụ sở Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á**
56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM
- ❖ **Chi nhánh Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á tại Hà Nội**
Lầu 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Trịnh Bá Hoàng – Tổng Giám đốc

Địa chỉ: Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Q. Bình Tân, TP. HCM

Điện thoại: (848) 7 653 145 Fax: (848) 7 652 162

Tp. Hồ Chí Minh, Tháng 10 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/1999 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/03/2000, thay đổi lần 2 ngày 04/12/2000, thay đổi lần 3 ngày 08/12/2000, thay đổi lần 4 ngày 15/03/2001, thay đổi lần 5 ngày 18/06/2001, thay đổi lần 6 ngày 13/06/2002, thay đổi lần 7 ngày 31/07/2002, thay đổi lần 8 ngày 07/04/2004, thay đổi lần 9 ngày 03/08/2004, thay đổi lần 10 ngày 17/12/2004, thay đổi lần 11 ngày 16/01/2006, thay đổi lần 12 ngày 02/11/2006, thay đổi lần 13 ngày 29/06/2007 và thay đổi lần 14 ngày 16/10/2007)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng niêm yết: 11.800.000 cổ phần

Tổng giá trị niêm yết: 118.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC AISC

Địa chỉ: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: (848) 9 305 163 Fax: (848) 9 304 281

TỔ CHỨC TƯ VẤN:



CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở chính

Địa chỉ: 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. HCM

Điện thoại: (848) 8 218 666 Fax: (848) 9 144 372

Website: www.das.vn

Email: das@das.vn

Chi nhánh Hà Nội

Địa chỉ: Lầu 1, 57 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (844) 9 445 175 Fax: (844) 9 445 178



MỤC LỤC



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về luật pháp.....	7
3. Rủi ro về thị trường	7
4. Rủi ro về ngành nghề	7
5. Rủi ro về tình hình tài chính	8
6. Rủi ro khác.....	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	9
1. Tổ chức niêm yết	9
2. Tổ chức tư vấn	9
III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT	10
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	11
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	11
1.1 Lịch sử hình thành và phát triển	11
1.2 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ	13
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty.....	14
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	16
3.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).....	16
3.2 Hội đồng quản trị (HĐQT)	16
3.3 Ban kiểm soát (BKS)	16
3.4 Ban Tổng Giám đốc	16
4. Danh sách cổ đông.....	16
4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (tính đến thời điểm 30/07/2007)	16
4.2 Danh sách cổ đông sáng lập.....	17
4.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/07/2007.....	17
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết	17
5.1 Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản.....	17
5.2 Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.....	18
5.3 Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản liên kết, liên doanh.....	18
6. Hoạt động kinh doanh	18



6.1	Sản phẩm và thị trường.....	18
6.2	Nguyên vật liệu.....	22
6.3	Chi phí sản xuất	22
6.4	Trình độ công nghệ	23
6.5	Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới	26
6.6	Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm	26
6.7	Hoạt động Marketing	26
6.8	Nhãn hiệu thương mại.....	26
6.9	Các hợp đồng lớn đang thực hiện.....	27
7.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.....	27
7.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất.....	27
7.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006	28
7.3	Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và các thách thức (SWOT)	30
8.	Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	30
8.1	Vị thế của Công ty trong ngành	30
8.2	Triển vọng phát triển của ngành.....	31
8.3	Định hướng phát triển của Công ty	31
9.	Chính sách đối với người lao động	32
9.1	Tình hình và nhu cầu lao động.....	32
9.2	Chính sách đối với người lao động.....	32
10.	Chính sách cổ tức	33
11.	Tình hình hoạt động tài chính.....	33
11.1	Các chỉ tiêu cơ bản	33
11.2	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	37
12.	Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.....	38
12.1	Hội đồng quản trị.....	38
12.2	Ban kiểm soát.....	43
12.3	Ban Tổng Giám đốc	46
12.4	Kế toán trưởng.....	47
13.	Một số tài sản cố định lớn của Công ty	47
14.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	50
14.1	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	50
14.2	Căn cứ để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận.....	51
15.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	54
16.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty.....	56
17.	Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu	56



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	57
1. Loại chứng khoán.....	57
2. Mệnh giá cổ phần	57
3. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết.....	57
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của tổ chức phát hành.....	57
5. Giá trị cổ phần ICF	57
5.1 Giá sổ sách.....	57
5.2 Giá so sánh.....	57
5.3 Giá giao dịch bình quân trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	58
5.4 Giá trị nội tại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền.....	58
6. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	58
7. Các loại thuế liên quan	58
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	59
1. Tổ chức tư vấn	59
2. Tổ chức kiểm toán	59
VII. PHỤ LỤC	59
1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.....	59
2. Phụ lục 2: Điều lệ tổ chức và hoạt động.....	59
3. Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006, Báo cáo tài chính Quý 2/2007 và Báo cáo tài chính Quý 3/2007	59



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Kinh tế Việt Nam trong những năm qua tăng trưởng rất nhanh. Cùng với quá trình gia nhập các tổ chức kinh tế thế giới như WTO, AFTA,... đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại xuất nhập khẩu.

Đối với Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản, là một trong những công ty hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, các biến động về chính sách tỷ giá hối đoái có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Nếu Chính phủ điều hành chính sách tỷ giá theo hướng hỗ trợ xuất khẩu, Công ty sẽ có nhiều cơ hội gia tăng lợi nhuận và nếu Chính phủ điều hành chính sách tỷ giá theo hướng hỗ trợ nhập khẩu, Công ty có thể sẽ bị thiệt hại.

Ngoài ra, do Công ty đang vay vốn từ các ngân hàng thương mại khá nhiều nên chi phí tài chính của Công ty tương đối cao. Chính vì thế, sự biến động của lãi suất cũng ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty. Nếu lãi suất giảm, Công ty sẽ gia tăng lợi nhuận và ngược lại. Việt Nam đã gia nhập WTO, hoạt động thương mại và luân chuyển vốn quốc tế sẽ trở nên sôi động hơn. Sự tham gia của nguồn vốn nước ngoài sẽ giúp cho các doanh nghiệp trong nước có nhiều cơ hội lựa chọn nguồn vốn hơn, khi đó, lãi suất vay vốn có thể sẽ có chiều hướng giảm xuống.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra hệ thống luật pháp chưa đồng bộ, quá trình thực thi chưa đạt hiệu quả cao nên khả năng chính sách của Nhà nước thay đổi theo hướng bất lợi cho Công ty có thể xảy ra và ảnh hưởng không tốt đến giá cổ phiếu của Công ty.

3. Rủi ro về thị trường

Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là EU, Nhật Bản và Mỹ. Đây là thị trường khó tính, quy định rất khắt khe về tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm và có nhiều biến động. Những quy định về chất lượng ngày càng cao của sản phẩm nhập khẩu vào EU, Nhật Bản, và Mỹ; các rào cản về thuế và phi thuế quan, v.v... là những nhân tố có thể làm thu hẹp thị trường xuất khẩu, ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty.

4. Rủi ro về ngành nghề

Rủi ro về nguyên vật liệu: Khai thác Thủy sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, tự nhiên. Rủi ro bởi ô nhiễm nguồn nước, môi trường sinh thái biến động, con giống nhiễm bệnh v.v... nếu không được khắc phục kịp thời sẽ ảnh hưởng lớn tới hoạt động thu mua của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty phải đối đầu với sự cạnh tranh thu mua nguyên liệu từ các đơn vị khác, ảnh hưởng đến giá cả nguyên liệu và tình hình ổn định sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, Công ty cũng có chính sách nhập khẩu nguyên liệu với



những thời điểm trái vụ hoặc những lúc nguồn nguyên liệu khan hiếm để duy trì và giảm bớt rủi ro cho sản xuất.

Rủi ro về nguồn nhân lực: Nhân lực là một yếu tố quan trọng trong tổ chức sản xuất. Ngành thủy sản là ngành cần nguồn nhân lực lớn. Sự biến động về nguồn cung ứng lao động luôn luôn diễn ra ở mức độ cao. Công ty luôn có chính sách ưu đãi đối với người lao động để giảm thiểu rủi ro này. Đối với các cán bộ quản lý cấp cao của Công ty thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng nên việc rủi ro về thất thoát nguồn nhân lực này là gần như không có.

5. Rủi ro về tình hình tài chính

Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản hiện đang có số dư nợ ngắn hạn cao, chủ yếu là vốn lưu động vay ngân hàng và phải trả cho nhà cung cấp. Việc phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ là một phần nhằm bổ sung vốn lưu động, lành mạnh hóa tình hình tài chính.

6. Rủi ro khác

Các rủi ro như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã mua bảo hiểm cho tài sản gồm thiết bị và nhà xưởng, kho hàng nhằm giảm thiểu thiệt hại khi xảy ra sự cố (nếu có).



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết

Bà **Nguyễn Thị Kim Xuân** Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông **Trịnh Bá Hoàng** Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thảo** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Bà **Nguyễn Thị Thu Thủy** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: Ông **Bùi Việt**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản cung cấp.



III. CÁC KHÁI NIỆM VÀ CÁC CHỮ VIẾT TẮT

- ❖ Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- ❖ Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- ❖ INCOMFISH: Tên viết tắt Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- ❖ DAS: Tên viết tắt Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- ❖ HĐQT: Hội đồng Quản trị
- ❖ BKS: Ban Kiểm soát
- ❖ ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- ❖ ISO 9001:2000 – 14001:2004: International Organization for Standardization
- ❖ BRC: British Retail Consortium
- ❖ IFS: International Food Standards
- ❖ US HACCP: US Hazard Analysis and Critical Control Point
- ❖ ACC: Aquaculture Certification Council
- ❖ SQF 2000: Safe Quality Foods 2000
- ❖ SA 8000: Social Accountability 8000
- ❖ HALAL: Foods Certified as Muslim – Approved
- ❖ IQF : Individually Quick-Frozen – đông lạnh nhanh



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

- ❖ Tên Công ty : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN**
- ❖ Tên tiếng Anh : **INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION**
- ❖ Tên viết tắt : **INCOMFISH**
- ❖ Trụ sở chính : Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP.HCM
- ❖ Điện thoại : (848) 7 653 145
- ❖ Fax : (848) 7 652 162 – (848) 7 653 136
- ❖ Giấy CNĐKKD : Giấy chứng nhận ĐKKD số 064100 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/1999 và đăng ký thay đổi lần 1 ngày 16/03/2000, thay đổi lần 2 ngày 04/12/2000, thay đổi lần 3 ngày 08/12/2000, thay đổi lần 4 ngày 15/03/2001, thay đổi lần 5 ngày 18/06/2001, thay đổi lần 6 ngày 13/06/2002, thay đổi lần 7 ngày 31/07/2002, thay đổi lần 8 ngày 07/04/2004, thay đổi lần 9 ngày 03/08/2004, thay đổi lần 10 ngày 17/12/2004, thay đổi lần 11 ngày 16/01/2006, thay đổi lần 12 ngày 02/11/2006, thay đổi lần 13 ngày 29/06/2007 và thay đổi lần 14 ngày 16/10/2007.
- ❖ Tài khoản : 007.100.1099541 tại Ngân hàng Ngoại thương, CN TP.HCM
- ❖ Ngành nghề kinh doanh:
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
 - Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá – tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
 - Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
 - Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
 - Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
 - Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
 - Sản xuất nước đá;
 - Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
 - Nhà hàng ăn uống, giải khát;
 - Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi;



- Mua bán hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá;
- Đào tạo nghề.

Sau hơn bảy năm hoạt động kinh doanh nhằm thăm dò thị trường và tìm kiếm khách hàng, Công ty đã định hướng mục tiêu phát triển lâu dài và bền vững là sản xuất chế biến. Với mục đích đó, Công ty đã mạnh dạn đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thủy sản và thực phẩm đông lạnh với công suất sản xuất ổn định là 14.400 tấn/năm đối với sản phẩm chế biến đơn giản hoặc 6.000 tấn/năm đối với sản phẩm có giá trị gia tăng.

Đến nay, Công ty đã từng bước củng cố năng lực tổ chức bộ máy quản lý, cùng với việc áp dụng các chương trình kiểm soát nghiêm ngặt quá trình chế biến đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm. Vì vậy, chất lượng hàng hoá của Công ty ngày càng được các bạn hàng tin cậy, uy tín của Công ty ngày càng được gia tăng trên thị trường quốc tế.

Thêm vào đó, Công ty đã được các tổ chức công nhận:

- Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO 9001-2000 do SGS chứng nhận
- Giấy Chứng nhận HACCP do Công ty tư vấn độc lập Hoa Kỳ (Surefish) cấp
- Giấy Chứng nhận Nhà máy đạt tiêu chuẩn sản xuất thực phẩm thủy sản vào thị trường Châu Âu do Ủy ban An toàn Thực phẩm Châu Âu ủy quyền cho NAFIQAVED cấp. Các mã số được cấp bao gồm: HK187, NM188, DL189, DL368, DL369.
- Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn BRC (British Retail Consortium) và IFS (International Food Standard) do Công ty TUVNORD GmbH&Co. cấp.
- Giấy chứng nhận ACC (Aquaculture Certification Council) do Tổ chức độc lập ACC Hoa Kỳ cấp.
- Giấy chứng nhận HALAL do Cộng đồng Hồi giáo TP.HCM cấp.

Với các Chứng nhận này, sản phẩm của Công ty có thể đi vào tất cả các hệ thống siêu thị trên toàn cầu.

Bên cạnh việc hoàn thiện bộ máy quản lý, củng cố chất lượng sản phẩm nhằm xây dựng vị trí và thương hiệu Công ty trên thị trường, giai đoạn này cũng đã chứng kiến việc đem lại hiệu quả từng bước và bù đắp các khoản chi phí trong giai đoạn đầu xây dựng nhà máy. Đây là một bước ngoặt cho việc mở rộng và phát triển Công ty trong giai đoạn mới, giai đoạn mở rộng và phát triển Công ty theo tiến trình Hội nhập WTO của Việt Nam.



1.2 Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

- ❖ Vốn điều lệ đăng ký 368.000.000.000 đồng, trong đó vốn thực góp là 118.000.000.000 đồng.
- ❖ Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ tại thời điểm 30/07/2007:

Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
Nhà nước	0	0 %
CBCNV	6.022.982	51,04 %
Cổ đông ngoài	5.777.018	48,96 %
Tổng cộng	11.800.000	100 %

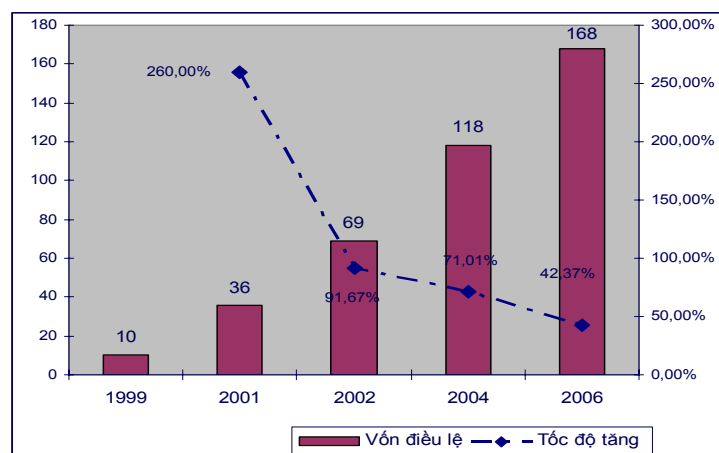
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish) được thành lập vào cuối Quý 3 năm 1999 với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng và hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 064100 ngày 01/09/1999 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM cấp.

Nhằm phục vụ chiến lược kinh doanh, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ lên 36 tỷ VNĐ vào năm 2001. Bên cạnh tăng năng lực tài chính, Công ty cũng đã đang hoàn thiện dần bộ máy quản lý, tập trung đào tạo tay nghề cho công nhân nhằm chuẩn bị cho việc sản xuất và quản lý nhà máy sau khi dự án đầu tư hoàn thành.

Sau khi hoàn tất xây dựng Nhà máy đưa thiết bị vào vận hành sản xuất thử nghiệm cuối năm 2002, Công ty đã bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2003. Trong thời gian này Công ty cũng đã tăng vốn điều lệ lên 69 tỷ đồng (năm 2002) và 118 tỷ đồng (năm 2004).

Từ năm 2004 đến nay, Công ty đã thực hiện góp vốn qua hai đợt, đợt 1 năm 2005 góp 3,8 tỷ dưới dạng tiền mặt và đợt 2 vào tháng 9 - 10 năm 2006 qua hình thức góp tiền mặt và phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần. Đến cuối tháng 10 năm 2006, Công ty đã góp đủ 118 tỷ đồng vốn điều lệ.

Tốc độ tăng vốn điều lệ của Công ty:





Việt Nam gia nhập WTO năm 2006 đã mở ra một cơ hội mới cho các công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy sản, đồng thời, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho Công ty. Nhằm phục vụ cho mục đích mở rộng và phát triển cho giai đoạn mới này, Công ty đã quyết định tăng vốn điều lệ từ 168 tỷ đồng lên 368 tỷ đồng theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 10/08/2007 và sẽ hoàn tất quá trình góp vốn trong năm 2007 và quý I năm 2008.

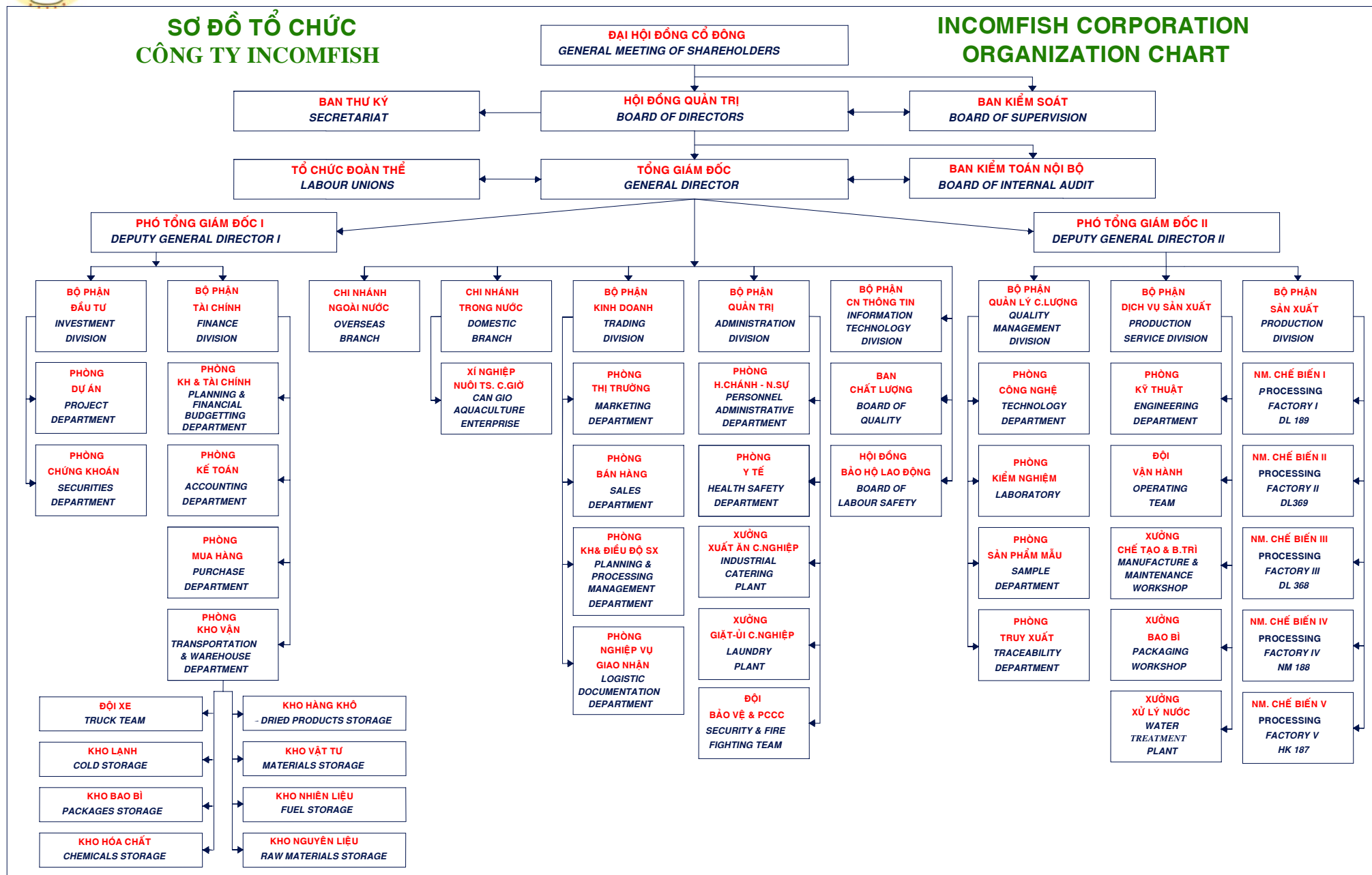
Thêm vào đó, năm 2006, Công ty cũng được tài trợ hơn 1,1 tỷ đồng từ Dự án “Cải thiện chất lượng và xuất khẩu thủy sản” (SEAQIP) do Đan Mạch tài trợ thực hiện trên cơ sở thỏa thuận hỗ trợ phát triển ngành thủy sản Việt Nam giữa Bộ Thủy sản Việt Nam và Bộ Ngoại giao Đan Mạch năm 1994. Một trong những hoạt động của dự án là hỗ trợ kỹ thuật cho các doanh nghiệp chế biến thủy sản áp dụng sản xuất sạch hơn và xây dựng hệ thống xử lý nước thải nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường.

2. Cơ cấu tổ chức của Công ty



**SƠ ĐỒ TỔ CHỨC
CÔNG TY INCOMFISH**

**INCOMFISH CORPORATION
ORGANIZATION CHART**





3. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

3.1 Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định tỷ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty, v.v...

3.2 Hội đồng quản trị (HĐQT)

HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty – trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

3.3 Ban kiểm soát (BKS)

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. BKS có nhiệm vụ kiểm soát hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và bộ máy điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

3.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và bãi nhiệm. Các thành viên HĐQT được kiêm nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hằng ngày của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Tổng Giám đốc trước HĐQT trong phạm vi được phân công, ủy nhiệm.

4. Danh sách cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần (tính đến thời điểm 30/07/2007)

TT	Tên cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	2.348.522	19,90%
2	Nguyễn Thị Kim Thủy	971.000	8,23%
3	Nguyễn Thị Kim Thu	970.000	8,22%
4	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	686.500	5,82%
5	Huỳnh Thị Phương	678.700	5,75%
	Tổng cộng	5.654.722	47,92%

**4.2 Danh sách cổ đông sáng lập**

TT	Tên cổ đông	Số CP nắm giữ tại thời điểm thành lập (mệnh giá 1.000.000 đ/cp)	Tỷ lệ	Số CP nắm giữ tại thời điểm 30/07/2007 (mệnh giá 10.000 đồng/cp)			Tỷ lệ
				Tổng cộng	CP ưu đãi	CP phổ thông	
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	4.800	48,0%	2.348.522	0	2.348.522	19,90%
2	Nguyễn Huy Long	2.000	20,0%	0	0	0	0%
3	Nguyễn Thị Kim Thủy	1.000	10,0%	971.000	0	971.000	8,23%
4	Nguyễn Văn Khánh Em	1.000	10,0%	0	0	0	0%
5	Nguyễn Minh Hà	500	5,0%	0	0	0	0%
6	Lư Quốc Minh	500	5,0%	0	0	0	0%
7	Lê Quang Trúc	100	1,0%	0	0	0	0%
8	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	100	1,0%	12.480	0	12.480	0,11%

Theo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty, cổ phiếu của các cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ ngày thành lập. Đến nay, quy định này đã hết hiệu lực.

4.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/07/2007

TT	Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Trong nước: - Cá nhân	10.875.432	92,1647%
	- Tổ chức	769.000	6,5169%
2	Nước ngoài: - Cá nhân	155.010	1,3136%
	- Tổ chức	558	0,0047%
	Tổng cộng	11.800.000	100%

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết**5.1 Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản**

Không có



5.2 Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối

Không có

5.3 Danh sách các Công ty mà Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản liên kết, liên doanh

Công ty đang góp vốn thành lập Công ty TNHH Sản xuất Kinh doanh Dịch vụ SAGA (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4102026011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/11/2004).

Tính đến thời điểm 31/12/2006, vốn góp thực tế vào SAGA của Công ty là 39.600.000.000 đồng, trong đó có 36.600.000.000 đồng dưới dạng hiện vật (là một phần nhà số 32 đường Mạc Đĩnh Chi – Quận 1, TP. HCM có được do chuyển nhượng phần góp vốn với đối tác đầu tư), 3.000.000.000 đồng còn lại là hiện kim, chiếm 44,69% tổng vốn của SAGA.

Việc góp vốn này để tham gia thực hiện Dự án xây dựng khu cao ốc văn phòng cho thuê. Hiện nay, dự án đang chờ giấy phép xây dựng của Sở Xây dựng Tp. Hồ Chí Minh.

Quá trình góp vốn của Công ty vào SAGA qua các năm như sau :

Đvt: triệu đồng

Năm	2004	2005	2006
Vốn thực góp	15.000	15.115	39.600
+ Hiện vật	-	-	36.600
+ Hiện kim	15.000	15.115	3.000

Nguồn: Incomfish

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm và thị trường

6.1.1 Sản phẩm dịch vụ chính

Nhà máy sản xuất chính của Công ty được xây dựng trên diện tích 21.000 m², trong đó khu vực sản xuất là 12.000 m². Tổng công suất thiết kế là 15.000 tấn/năm, tổng nhân công cần thiết lên đến 1.500 người.

Bên cạnh đó, Công ty còn có hệ thống kho lạnh với công suất thiết kế là 2.500 tấn, sử dụng công nghệ băng chuyền và hệ thống xử lý bằng máy điện toán giúp cho việc quản lý, sắp xếp và bảo quản sản phẩm trong môi trường đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Các sản phẩm chính hiện nay của Công ty là sản phẩm thủy sản các loại như: tôm, cá, nhuyễn thể... và các loại thực phẩm chế biến khác dưới nhiều nhãn hiệu hàng hoá khác nhau. Các nhãn hiệu nổi tiếng trên toàn cầu là SHRIMP ONE; SAIGON PACIFIC; LEADER FISH; UNCLE HUNDREDS.



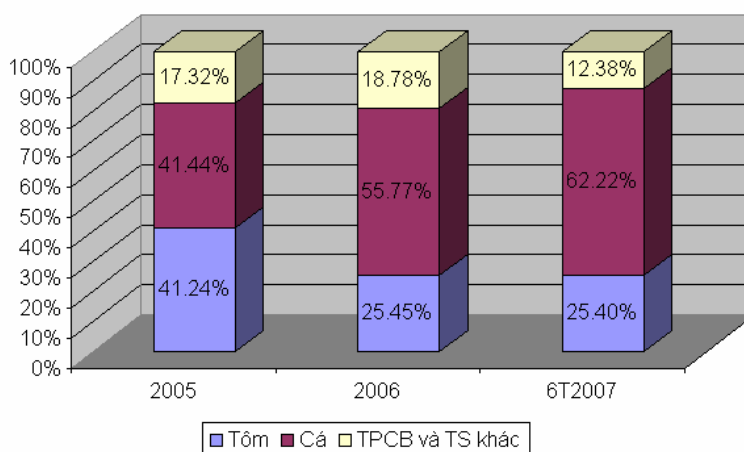
Công ty phân loại sản phẩm theo từng nhóm, mỗi nhóm có hàng chục đến hàng trăm mặt hàng khác nhau. Cơ bản có 3 nhóm chính: cá, tôm, thực phẩm chế biến (TPCB) và thủy sản (TS) khác.

Cơ cấu về sản lượng, doanh thu trong 2 năm 2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 như sau:

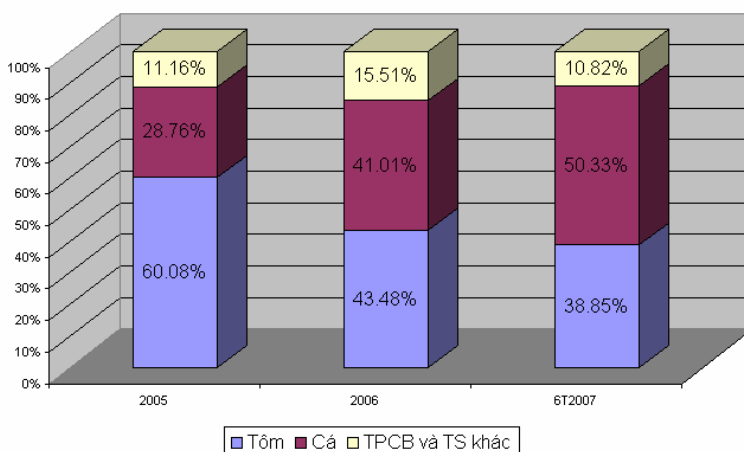
TT	Nhóm sản phẩm	2005		2006		6T/2007	
		Sản lượng	Doanh thu	Sản lượng	Doanh thu	Sản lượng	Doanh thu
1	Tôm	41,24%	60,08%	25,45 %	43,48 %	25,40 %	38,85 %
2	Cá	41,44%	28,76%	55,77 %	41,01 %	62,22 %	50,33 %
3	TPCB và TS khác	17,32%	11,16%	18,78 %	15,51 %	12,38 %	10,82 %
	Cộng	100%	100%	100 %	100 %	100 %	100 %

Nguồn: Incomfish

Cơ cấu sản lượng



Cơ cấu doanh thu



Cơ cấu sản phẩm của Công ty có sự thay đổi, chuyển hướng từ nhóm sản phẩm tôm sang nhóm sản phẩm cá. Tuy nhiên, nhóm sản phẩm tôm vẫn là nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng cao nhất trong cơ cấu sản phẩm của Công ty. Mặc dù nhóm tôm chỉ chiếm 25,40% trong tổng sản lượng nhưng lại chiếm đến 38,85% trong tỷ lệ doanh thu 6 tháng năm 2007. Nhóm thực phẩm chế biến và thủy sản khác cũng có sự gia tăng



tương ứng về sản lượng và doanh thu trong năm 2006 nhưng nửa đầu năm 2007 thì giảm xuống do sản lượng và doanh thu cá tăng lên mạnh hơn.

Trong chiến lược kinh doanh của mình, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển sản phẩm tôm và các sản phẩm thủy sản khác có giá trị gia tăng cao.

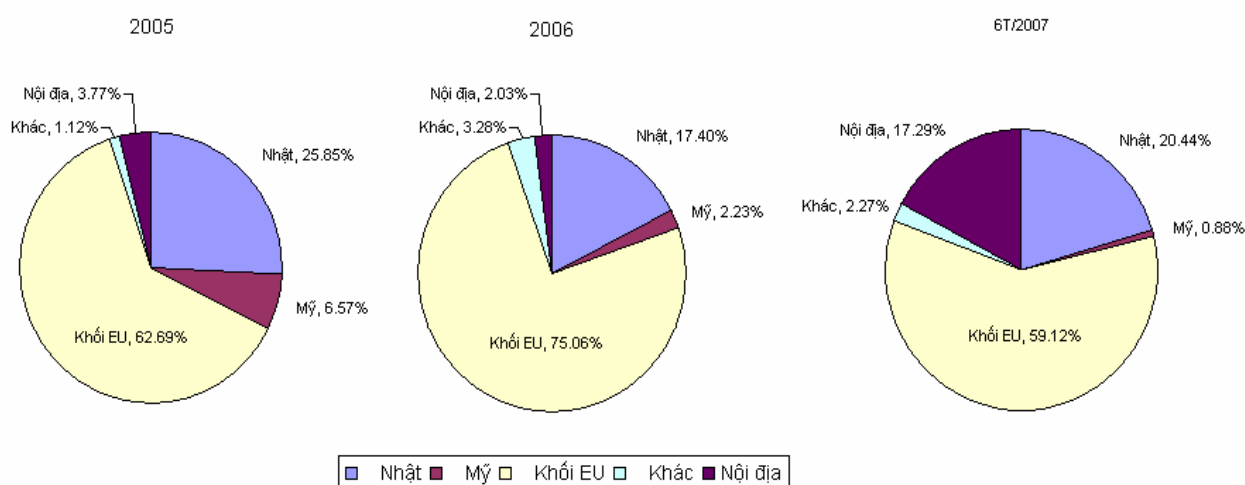
6.1.2 Thị trường

Sản phẩm của Công ty chủ yếu phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu. Hơn 95% các mặt hàng do Công ty sản xuất là xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Nhật, Châu Âu... còn lại là phục vụ cho nhu cầu trong nước.

Trong năm 2005, Công ty đã xuất khẩu được 2.400 tấn thủy sản các loại. Năm 2006, sản lượng xuất khẩu của Công ty đạt 3.227 tấn, tăng 34,46 % so với năm 2005. Cơ cấu thị trường về sản lượng năm 2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 của Công ty như sau:

Thị trường	2005	2006	6T/2007	Tăng/giảm (2006/2005)
Xuất khẩu	96,23 %	97,97 %	82,71 %	+ 1,74 %
Nhật	25,85 %	17,40 %	20,44 %	- 8,45 %
Mỹ	6,57 %	2,23 %	0,88 %	- 4,34 %
Khối EU	62,69 %	75,06 %	59,12 %	+ 12,37 %
Khác	1,12 %	3,28 %	2,27 %	+ 2,16 %
Nội địa	3,77 %	2,03 %	17,29 %	- 1,74 %
Tổng cộng	100%	100%	100 %	

Nguồn: Incomfish



Thị trường Mỹ trong những năm 2005, 2006 bị thu hẹp do gặp phải sự bảo hộ mậu dịch của chính phủ Mỹ trong việc chống bán phá giá tôm và cá da trơn. Trong tình hình đó, Công ty đã chủ động chuyển hướng sang thị trường EU, Nhật và mở rộng sang một số thị trường khác. Sự năng động này đã làm giảm tối đa các áp lực từ phía thị trường Mỹ, đảm bảo sản lượng và doanh thu xuất khẩu của Công ty.

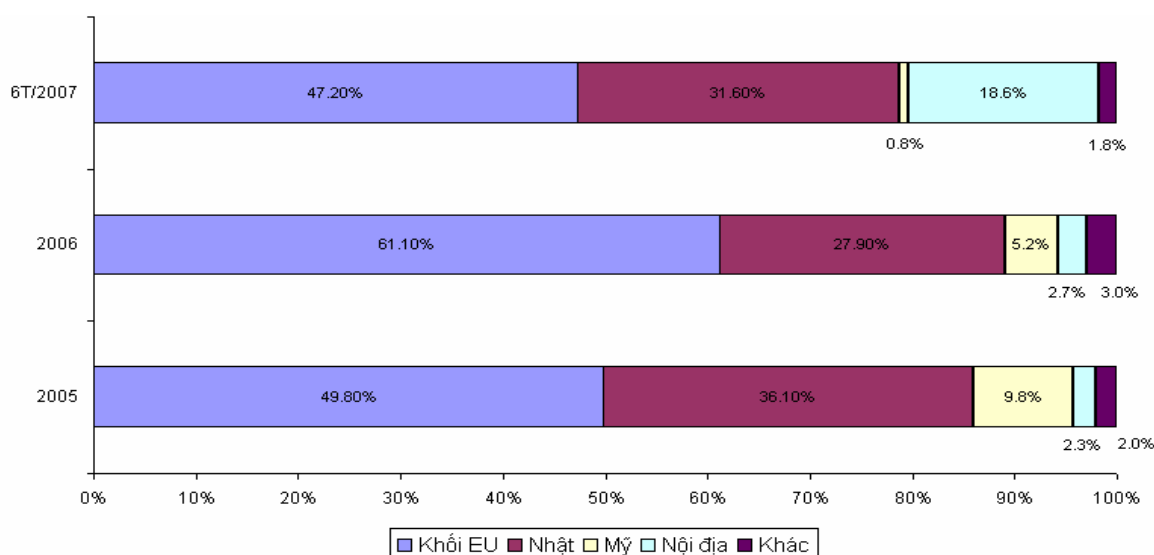


Bên cạnh đó, với chiến lược đã đề ra trong đại hội cổ đông thường niên năm 2007, năm 2007, Công ty chú trọng phát triển thị trường nội địa – thị trường có tiềm năng lớn nhưng đang bị các doanh nghiệp thủy sản trong nước ít lưu tâm. Chiến lược này còn giúp Công ty phát triển tốt hơn nữa thương hiệu của mình.

Cơ cấu thị trường về doanh thu của Công ty năm 2005, 2006 và 6 tháng đầu năm 2007 như sau:

Thị trường	2005	2006	6T/2007	Tăng/giảm (2006/2005)
Khối EU	49,8 %	61,1 %	47,2 %	+ 11,3 %
Nhật	36,1 %	27,9 %	31,6 %	- 8,2 %
Mỹ	9,8 %	5,2 %	0,8 %	- 4,6 %
Khác	2,0 %	3,0 %	1,8 %	+ 1,0 %
Nội địa	2,3 %	2,7 %	18,6 %	+ 0,4 %
Tổng cộng	100%	100%	100 %	

Nguồn: Incomfish



Nhìn chung, nửa đầu năm 2007 sản lượng xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản khả quan hơn về sản lượng và cả doanh thu. Doanh thu xuất sang thị trường Nhật Bản và Mỹ (chiếm 36,1% và 9,8% trong tổng doanh thu), mặc dù thấp hơn khối EU (49,8%) nhưng cũng thể hiện có sự chuyển dịch đáng kể trong cơ cấu thị trường của Công ty. Công ty đã hoàn thành xong các thủ tục xin phép đầu tư ra nước ngoài, và đang xúc tiến việc góp vốn thành lập 02 công ty: Incomfish US (trụ sở đặt ở Bang Virginia) và Incomfish EU (trụ sở đặt tại Brussell, Bỉ). Sau khi các công ty này đi vào hoạt động sẽ hứa hẹn mang lại một sự tăng trưởng mạnh mẽ trong sản lượng và doanh thu ở hai thị trường trọng điểm này.

Thủy sản Việt Nam là một mặt hàng có sức cạnh tranh cao do chi phí nhân công và nguyên vật liệu thấp hơn so với các nước phát triển. Do đó, xuất khẩu sẽ mang lại cho Công ty nhiều giá trị gia tăng. Bên cạnh đó, thị trường nội địa vẫn là một thị trường rất tiềm năng do nhu cầu sử dụng thủy hải sản của người Việt Nam đang ngày càng phát triển mạnh mẽ nhằm thay thế cho những sản phẩm từ thịt, trứng,... có nhiều cholesterol hơn. Doanh thu từ bán hàng nội địa lại tăng và đặc biệt 6 tháng đầu năm



2007 doanh thu của thị trường này chiếm 18,6% tổng doanh thu. Tỷ trọng doanh thu thị trường nội địa cao hơn tỷ trọng sản lượng đã phân nào thể hiện sự đúng đắn trong chiến lược đẩy mạnh thị trường nội địa mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã đề xuất trong đại hội cổ đông thường niên 2007. Trong tương lai, Công ty sẽ chú trọng hơn nữa trong việc phát triển mảng thị trường này.

6.2 Nguyên vật liệu

- ❖ Nguyên liệu tôm, cá, các thủy sản khác:

Để chủ động nguồn nguyên liệu Công ty vừa trực tiếp nuôi vừa tổ chức thu mua trên các địa bàn như Bến Tre, An Giang, Trà Vinh, Ninh Thuận,... Đồng thời, Công ty liên kết với các đại lý thu mua nguyên liệu từ miền Trung đến các tỉnh miền Tây, đảm bảo nguyên liệu cho sản xuất. Riêng nguyên liệu tôm Công ty đã đầu tư trại nuôi tại Cần Giờ. Ngoài ra, Công ty còn nhập khẩu nguyên liệu dự trữ cho thời điểm trái vụ để duy trì sản xuất liên tục.

- ❖ Nguyên vật liệu bao bì, hóa chất:

Do nhận thức được bao bì, hóa chất,... cũng là những yếu tố không nhỏ trong giá thành sản phẩm, Công ty đã lập định mức cụ thể cho từng nhóm vật liệu nhằm sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhất. Một phần hoá chất, phụ gia,... được nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài để đảm bảo chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm. Bao bì được Công ty đặt hàng ở một số đơn vị có chất lượng tốt nhất theo yêu cầu của Công ty.

6.3 Chi phí sản xuất

Tỷ trọng các khoản mục chi phí của Công ty so với doanh thu thuần qua các năm thể hiện ở bảng sau :

YẾU TỐ CHI PHÍ	2005		2006		6T/2007	
	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu	Giá trị (tr.đ)	% Doanh thu
Giá vốn hàng bán	249.524	88,7%	241.545	85,3%	118.829	85,2%
Chi phí bán hàng	11.518	4,1%	10.216	3,6%	6.334	4,5%
Chi phí quản lý DN	7.719	2,7%	8.323	2,9%	3.661	2,6%
Chi phí hoạt động tài chính	7.640	2,7%	11.517	4,1%	3.595	2,6%
TỔNG	281.202	98,2%	283.153	95,9%	132.880	94,9%

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2005, 2006 và BCTC 6 tháng đầu năm 2007

- ❖ Giá vốn hàng bán: So với năm 2005, tỷ trọng giá vốn hàng bán/doanh thu thuần năm 2006 đã giảm từ 88,7% xuống còn 85,3% và 6 tháng đầu năm 2007 giảm xuống còn 85,2% do Công ty kiểm soát chặt chẽ chi phí nguyên vật liệu đầu vào. Công ty đã thực hiện cùng lúc nhiều biện pháp để cắt giảm chi phí sản xuất, tận dụng nguyên vật liệu để tránh hao phí và tối đa hóa năng suất của thiết bị, xây dựng phương án tồn kho nguyên vật liệu, thành phẩm hợp lý.
- ❖ Chi phí bán hàng: So với năm 2005, tỷ trọng chi phí bán hàng/doanh thu thuần năm 2006 đã cắt giảm đáng kể từ 4,1% xuống còn 3,6% mặc dù Công ty đã có



đầu tư cho bộ phận bán hàng trong việc phát triển mạng lưới phân phối, tìm kiếm khách hàng mới để gia tăng sản lượng hàng hóa xuất khẩu.

- ❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Công ty đã nỗ lực cải thiện việc cắt giảm chi phí một cách hợp lý nhằm mang lại hiệu quả hoạt động cho Công ty, thể hiện được hiệu quả trong hoạt động điều hành.

Yếu tố chi phí có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Incomfish, việc quản lý chặt chẽ trong kiểm soát các yếu tố chi phí dẫn đến giá thành sản xuất các sản phẩm của Công ty ngày càng được cải thiện so với những năm trước đây. Nhờ đó nâng cao vị thế và tính cạnh tranh của sản phẩm của Incomfish trên thị trường quốc tế.

6.4 Trình độ công nghệ

Incomfish là một trong những doanh nghiệp xuất nhập khẩu thủy sản đạt tiêu chuẩn HACCP, ISO 9001:2000 IFS, ACC, BRC,... nên có thể đảm bảo chất lượng tốt nhất cho sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường.

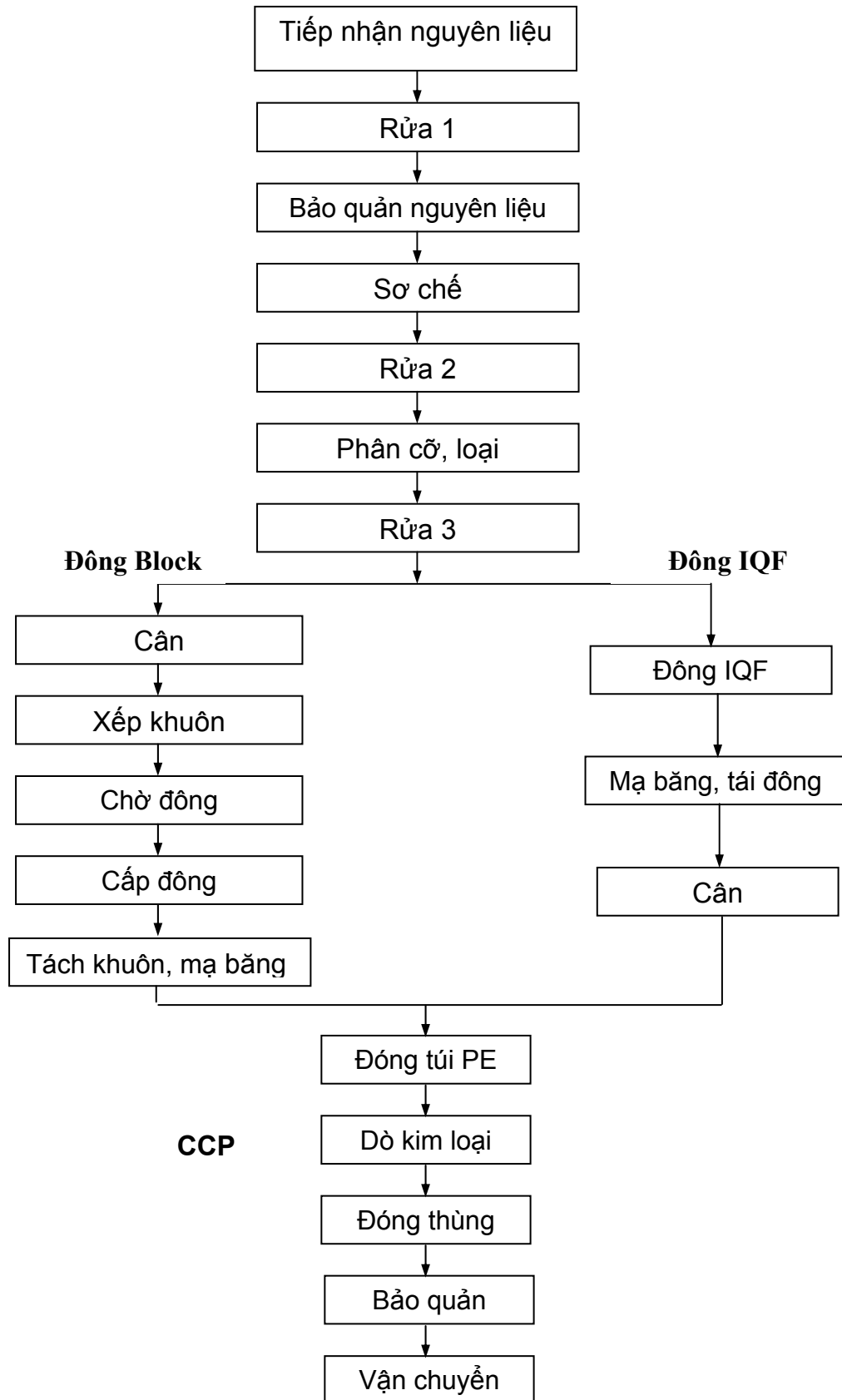
Máy móc, thiết bị, nhà xưởng của Công ty hiện có thuộc thế hệ hiện đại, công suất lớn đảm bảo cho Công ty sản xuất, chế biến những sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, có chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước. Ngoài ra, hàng năm, Công ty vẫn duy trì việc duy tu, bảo dưỡng định kỳ đảm bảo cho các máy móc thiết bị hoạt động tốt.

6.4.1 Quy trình công nghệ chế biến (xem sơ đồ trang bên)



SƠ ĐỒ QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ CHẾ BIẾN

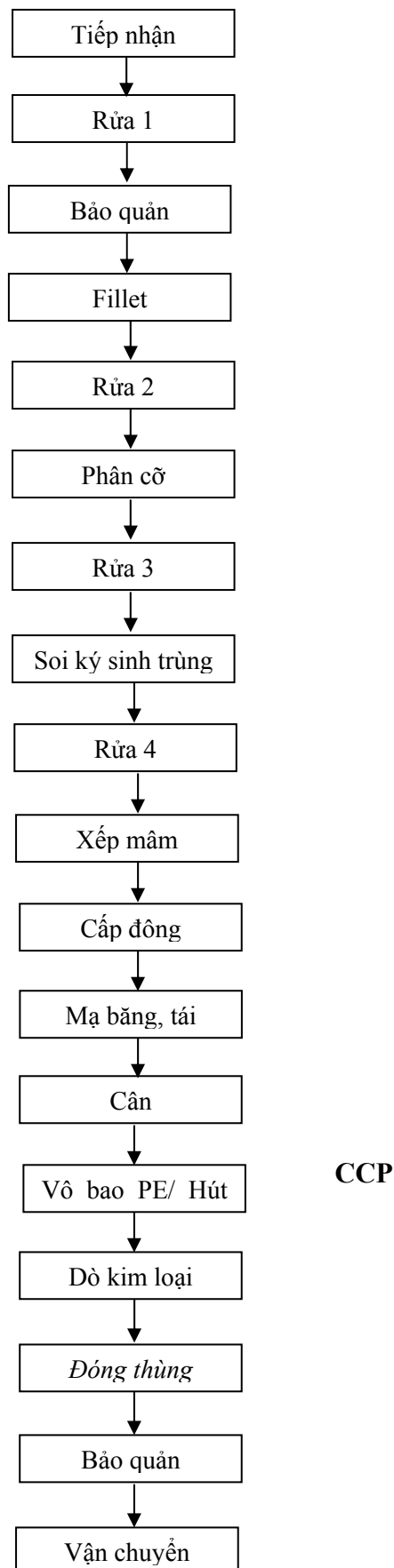
(Tôm vỏ, tôm PTO, tôm thịt đông Block & đông IQF)



CCP



SƠ ĐỒ QUY TRÌNH (Cá biển Fillet đông IQF)





Toàn bộ quá trình sản xuất, chế biến của Incomfish đều được kiểm tra, đánh giá rất cẩn trọng để đảm bảo sản phẩm luôn đạt các tiêu chuẩn cao nhất về quy định an toàn thực phẩm.

6.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Phòng sản xuất mẫu của Công ty có chức năng thực hiện các yêu cầu của Phòng Thị trường về nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (R&D) theo thị hiếu của thị trường hoặc theo sự hướng dẫn của khách hàng, hoặc sản phẩm mới cho thị trường mới, v.v... nhằm thực hiện được mục tiêu của HĐQT là “Đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường”.

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Công ty hiện đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2000 và một số tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm HACCP. Với việc áp dụng các tiêu chuẩn này trong quá trình thu mua nguyên liệu, sản xuất, chế biến tới khi thành phẩm nhập kho giúp cho Công ty kiểm soát được chất lượng của sản phẩm một cách hiệu quả nhất. Ngoài ra, do đáp ứng được các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về an toàn thực phẩm mà sản phẩm của Incomfish còn được xuất sang Châu Âu với các mã HK 187, NM 188,... và một số nước Trung Đông.

Công ty có đông đảo đội ngũ kiểm tra chất lượng sản phẩm đã được đào tạo chính qui, thường xuyên được tập huấn do NAFIQAVED tổ chức và có nhiều kinh nghiệm trong thực tế sản xuất sản phẩm thủy sản. Công ty đã đạt được các Giấy chứng nhận về an toàn vệ sinh thực phẩm do NAFIQAVED và các Tổ chức Quốc tế cấp như HACCP, GMP, IFS, ACC, BRC, ... Mỗi công đoạn sản xuất đều có nhân viên kiểm tra chất lượng (QC) kiểm soát và báo cáo theo hệ thống hàng dọc lên đến Giám đốc Bộ phận Quản lý chất lượng nếu như ở các cấp dưới không xử lý được. Công ty luôn nêu cao tinh thần “*mỗi công nhân là một QC*”, có như vậy sản phẩm mới được kiểm soát chặt chẽ ngay từ đầu vào nguyên liệu cho đến thành phẩm sau cùng. Công ty đã xác định “*chất lượng an toàn là bạn đồng hành của Doanh nghiệp*”.

6.7 Hoạt động Marketing

Công ty có Phòng Thị trường chuyên nghiên cứu và bám sát tình hình biến động của thị trường trong nước và quốc tế để có những quyết định giá cả phù hợp sát với thị trường. Hàng năm Công ty đều tham gia triển lãm, giới thiệu sản phẩm tại các hội chợ thủy sản quốc tế lớn ở Boston (Mỹ), Brussell (Bỉ), Busan (Hàn Quốc), Tokyo (Nhật Bản), Gdansk (Ba Lan),... Qua các hội chợ này, Công ty củng cố mối quan hệ với khách hàng cũ và gặp gỡ tìm kiếm được thêm các khách hàng mới nhằm phát triển cho thị trường xuất khẩu ngày càng được mở rộng, sản phẩm ngày càng gia tăng, mang lại doanh số và lợi nhuận ngày càng cao.

Công ty cũng vừa nhận được Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ký cho phép để thành lập Công ty Incomfish US tại Mỹ và Công ty Incomfish EU tại Bỉ, nhằm mục đích phát triển marketing và tăng sản lượng tiêu thụ sản phẩm thủy sản tại hai thị trường lớn nhất thế giới hiện nay.

6.8 Nhãn hiệu thương mại

Ngoài những nhãn hiệu của khách hàng, Công ty còn có các nhãn hiệu truyền thống đã được các khách hàng biết đến là SHRIMP ONE; LEADER FISH; UNCLE



HUNDREDS, SAIGON PACIFIC;... đến nay vẫn duy trì và phát triển tốt các nhãn hiệu thương mại này đối với thị trường trên thế giới và trong tương lai không xa sẽ phát triển các thương hiệu này tại thị trường trong nước. Các nhãn hiệu này đã được Công ty đăng nhãn hiệu hàng hóa ngay từ năm 2002, 2003.



Công ty đã đăng ký logo của mình với Cục Sở hữu trí tuệ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 38711 cấp theo Quyết định số 2840/QĐ-ĐK ngày 01/11/2001

6.9 Các hợp đồng lớn đang thực hiện

Một số hợp đồng lớn có giá trị trên 100.000 USD Công ty đang thực hiện:

Stt	Đối tác	Hợp đồng	Giá trị HĐ (USD)
1	Africasia	070806054/AFC-ICF	102.597
2	Chun Cheng Fisheries Enterprise Pte Ltd	070101003/CCP/ICF	113.405
3	International Marketing Specialist Inc.	26434&26419	365.400
4	Marubeni	TM102100 MALA 62	800.000
5	Pickenpack Hussmann &Hahn	45038-1,2,3,4	250.360
6	Serena	070201011/SIR-ICF	132.800

Nguồn: Incomfish

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	6T/2007	% tăng giảm (06/05)
Tổng giá trị tài sản	199.675.515.653	259.062.092.907	246.697.401.818	29,70%
Doanh thu thuần	281.202.420.024	283.153.480.932	139.461.280.298	0,7%
Lợi nhuận từ HĐKD	5.904.703.266	11.611.239.376	8.041.425.658	96,6%



Chỉ tiêu	2005	2006	6T/2007	% tăng giảm (06/05)
Lợi nhuận khác	(4.136.431.800)	(364.632.589)	(421.244.386)	91,2%
Lợi nhuận trước thuế	1.768.271.466	11.246.606.787	7.620.181.272	536,0%
Lợi nhuận sau thuế (*)	1.768.271.466	11.246.606.787	7.620.181.272	536,0%
Tỷ lệ lợi nhuận chi trả cổ tức	-	10%	-	-

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán 2005, 2006; Báo cáo Quyết toán 6 tháng 2007

Trong các năm trước, Công ty phải trả lãi vay rất nhiều do trước đây, Công ty đã phải vay nợ dài hạn cũng như thuê tài chính để đầu tư vào hệ thống nhà xưởng, máy móc thiết bị của Công ty. Năm 2006, Công ty đã phải trả hơn 11 tỷ lãi vay làm Công ty có hiệu quả thấp.

Lợi nhuận khác của Công ty bị âm là do các chi phí khác của Công ty trong thời gian qua cao hơn thu nhập khác. Các chi phí này chủ yếu là chi phí lãi vay thuê tài chính, chi phí mua sắm công cụ, dụng cụ sản xuất cho nhà máy các năm trước 2003 chưa trích, Công ty bắt đầu phân bổ các chi phí này từ năm 2004, mỗi năm 20%.

(*) Công ty thực hiện các dự án thủy sản và thực phẩm đông lạnh, theo điều 35, khoản 1a và điều 36, khoản 6 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty được miễn thuế trong 03 năm và giảm 50% trong vòng 07 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được áp dụng mức thuế suất 15%. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2006 nên được giảm thuế 50% trong 02 năm kể từ khi đăng ký giao dịch.

Tuy nhiên, sang năm 2005, các dự án đầu tư của Công ty đã bắt đầu mang lại hiệu quả, cùng với sự chuyển dịch cơ cấu thị trường xuất khẩu nhằm tránh các tác động của các vụ kiện bán phá giá tôm và cá da trơn, Công ty đã hoạt động có hiệu quả hơn. Năm 2006, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đi vào ổn định, trên đà phát triển với mức tăng lợi nhuận bằng 536,0% so với năm 2005. Công ty đã chia cổ tức năm 2006 cho các cổ đông 10% bằng cổ phiếu. Riêng 6 tháng đầu năm 2007 lợi nhuận của Công ty đạt gần 8 tỷ đồng tương đương 68% lợi nhuận của cả năm 2006.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2006

7.2.1 Các nhân tố thuận lợi

- Hội tụ được đội ngũ quản lý đã kinh qua lĩnh vực chế biến, xuất khẩu thủy sản, có nhiều năm kinh nghiệm trên thương trường quốc tế. Ngoài những kinh nghiệm và kiến thức về lĩnh vực thủy sản, các cán bộ quản lý còn được đào tạo về quản trị kinh doanh, tài chính,... đồng thời là những người gắn bó lâu dài với Công ty.
- Nhà máy được trang bị máy móc thiết bị với công nghệ tiên tiến và đồng bộ với kết cấu nhà xưởng.



- Đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm: có đội ngũ quản lý chất lượng được đào tạo chuyên ngành, có các giấy chứng nhận HACCP, BRC, ISO, IFS, ACC,...do các tổ chức Quốc tế chứng nhận.
- Cơ cấu sản phẩm có tính cạnh tranh cao với các sản phẩm được chế biến có giá trị gia tăng đưa thẳng vào siêu thị Châu Âu, Nhật Bản...
- Đa dạng nguồn nguyên liệu trong và ngoài nước, giảm được rủi ro về mùa vụ.
- Mặt hàng gia công quốc tế ổn định.

7.2.2 Các nhân tố khó khăn

- Lao động trực tiếp sản xuất luôn biến động và việc tuyển dụng gặp không ít khó khăn do hiện nay hầu hết ở các tỉnh đều có Khu công nghiệp, thu hút lao động tại chỗ và hợp tác lao động nước ngoài thu hút một lượng lao động không nhỏ; chi phí tuyển dụng cao.
- Chịu những áp lực lớn từ vụ kiện chống phá giá cá da trơn (năm 2003) và tôm nước ấm đông lạnh (năm 2004) của Mỹ áp dụng cho 6 nước nhập khẩu lớn vào Mỹ, trong đó có Việt Nam. Các vụ kiện kéo dài 5 năm và xem xét lại mức thuế hàng năm. Hiện nay, thị trường chủ yếu của Incomfish là Châu Âu và Nhật Bản. Hơn nữa, Incomfish đang là công ty trong nhóm công ty Việt Nam chịu thuế chống phá giá với mức thuế thấp nhất (4,57%) nên tác động của các vụ kiện chống bán phá giá tôm và cá da trơn không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty.
- Đầu tư ban đầu với qui mô lớn, muốn đi vào ổn định sản xuất đòi hỏi phải mất một khoảng thời gian dài.
- Vốn lưu động đáp ứng không đủ, không kịp thời với qui mô nhà máy, đặc biệt vào mùa cao vụ cần phải có một nguồn vốn rất lớn để dự trữ nguyên liệu cho sản xuất được liên tục.
- Thị trường nguyên liệu: Đây là vấn đề khó khăn chung thường gặp của các doanh nghiệp chế biến thủy sản, giá nguyên liệu có xu hướng ngày càng tăng trong khi đó giá xuất khẩu lại không tăng nhưng chi phí lại tăng liên tục.
- Phát huy công suất và định phí: Do mức phát huy công suất mới đạt 60% công suất thiết kế trong khi vốn đầu tư nhà xưởng ở qui mô lớn, kèm theo là bộ máy điều hành và các phòng ban, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật đồng bộ ở qui mô lớn tương ứng khiến cho chi phí khấu hao và chi phí gián tiếp trên một đơn vị sản phẩm cao.

**7.3 Phân tích các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và các thách thức (SWOT)**

MẠNH ▪ Cơ sở hạ tầng, Công nghệ, trang thiết bị tốt ▪ Sản phẩm đa dạng, giá thành cạnh tranh ▪ Nguồn nguyên vật liệu ổn định, phong phú ▪ Mặt hàng gia công xuất khẩu ổn định, có nhiều tiềm năng tăng trưởng ▪ Vị trí kinh doanh thuận lợi	YẾU ▪ Thiếu vốn lưu động ▪ Nguồn lao động tay nghề cao trong ngành còn hạn chế ▪ Định phí cao do đầu tư cơ sở hạ tầng, máy móc chiếm tỷ trọng cao do đặc thù của ngành
CƠ HỘI ▪ Việt Nam gia nhập WTO, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp xuất khẩu ▪ Việt Nam được áp dụng biên độ thuế chống phá giá thấp ▪ Chính sách tạm nhập tái xuất của các nước đối thủ cạnh tranh chưa thông thoáng như Việt Nam ▪ Có nhiều cơ hội thu hút vốn, tiếp nhận công nghệ mới,...	THÁCH THỨC ▪ Thị trường thủy sản cạnh tranh rất mạnh ▪ Hàng rào thuế quan mậu dịch các nước nhập khẩu ▪ Chất lượng nguồn nguyên liệu nhập khẩu cần phải kiểm tra kháng sinh ▪ Sản phẩm thay thế đa dạng ▪ Thị trường trong nước cạnh tranh mạnh...

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**8.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Incomfish là một trong những Công ty hàng đầu về việc đầu tư trang thiết bị hiện đại, đồng bộ với kỹ thuật tiên tiến nhất trên thế giới; với đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật chuyên môn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản, ... đã góp phần quan trọng trong việc hiện đại hóa, tăng sản lượng và giá trị ngoại tệ xuất khẩu cho ngành Thủy sản Việt Nam.

Công ty thường được Bộ Thủy sản cũng như VASEP, NAFIQAVED, Sở Nông nghiệp & PTNT Thành phố Hồ Chí Minh chọn làm điểm giới thiệu với các bạn bè, các khách hàng khó tính trên thế giới về chất lượng và qui trình chế biến đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm. Đặc biệt, là các sản phẩm có giá trị gia tăng, các sản phẩm đóng gói nhỏ đi thẳng vào các siêu thị uy tín mang lại lợi nhuận cao hơn so với các sản phẩm truyền thống.

Công ty cũng được Tạp chí Thương mại Thủy sản của VASEP số 89/90, tháng 5-6/2007 mệnh danh là “Thành phố nhỏ” - xanh, sạch từ ngoài cổng Nhà máy cho đến bên trong Xưởng chế biến. Từ đó, tạo được lợi thế so sánh cạnh tranh về chất lượng với các doanh nghiệp khác, mà ngày nay chất lượng sản phẩm là sự sống còn của doanh nghiệp. “Chất lượng hôm nay, Thị trường ngày mai” – Đó là khẩu hiệu xuyên suốt mà HĐQT đã đặt ra ngay từ những ngày đầu xây dựng Nhà máy.



8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Trong năm 2006, toàn ngành đã đạt được kim ngạch xuất khẩu là 3,348 tỷ USD, tăng 22,20% so với năm 2005 với tổng sản lượng sản phẩm thủy sản xuất khẩu là 815.510 tấn, tăng 29,40% so với năm 2005. Trong 4 tháng đầu năm 2007, sản lượng thủy sản xuất khẩu đạt 262.494 tấn, tăng 15,10%; giá trị xuất khẩu đạt 1,003 tỷ USD, tăng 17,80% so với cùng kỳ năm 2006.

Với đà phát triển liên tục này cho thấy ngành thủy sản là ngành có nhiều triển vọng, còn rất nhiều tiềm năng cả về khai thác, nuôi trồng, chế biến và thị trường. Đặc biệt, thị trường xuất khẩu sẽ được mở rộng hơn nữa sau khi Việt Nam là thành viên chính thức thứ 150 của Tổ chức Thương mại lớn nhất hành tinh - WTO.

Vì thế, Thủ tướng chính phủ đã có Quyết định số 10/2006/QĐ-TTg phê duyệt qui hoạch tổng thể phát triển ngành thủy sản đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 trong đó đề ra mục tiêu phát triển thủy sản thành một ngành sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh cao; có cơ cấu sản phẩm đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước ngày càng tăng; đồng thời đẩy mạnh xuất khẩu, tiếp tục giữ vững là ngành có kim ngạch xuất khẩu cao và có tỷ trọng GDP đáng kể trong các ngành nông - lâm - ngư nghiệp. Đến năm 2020, đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, kinh tế biển và ven biển đóng góp khoảng 53 – 55% GDP của cả nước, phát triển thành công, có bước đột phá về khai thác và chế biến hải sản.

Với quyết định nói trên, ngành thủy sản đã được Nhà nước đặc biệt quan tâm và sẽ có những chính sách ưu đãi hơn nữa cho ngành phát triển liên tục, góp phần đáng kể cho sự phát triển nền kinh tế quốc gia. Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu thủy sản sẽ được quan tâm, được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động sản xuất kinh doanh tăng không ngừng về sản lượng, giá trị ngoại tệ xuất khẩu và lợi nhuận, tạo việc làm cũng như thu nhập thường xuyên ổn định cho người lao động trong ngành chế biến thủy sản.

8.3 Định hướng phát triển của Công ty

Với phương châm “**Chất lượng hôm nay, Thị trường ngày mai**” Incomfish đã định hướng chiến lược phát triển lâu dài và bền vững, Công ty đã không ngừng nâng cao vai trò quản lý chất lượng sản phẩm để thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng.

Để không ngừng đa dạng hóa sản phẩm, đa phương hóa thị trường, Công ty đã có kế hoạch hợp tác đầu tư thêm Nhà máy chuyên chế biến cá tra đông lạnh ở tỉnh Đồng Tháp trong chương trình hợp tác đầu tư giữa Tp.HCM và tỉnh Đồng Tháp; Nhà máy chế biến cá đại dương đặt tại Tp.HCM. Dự kiến các nhà máy sẽ đi vào hoạt động trong năm 2008, góp phần đáp ứng nhu cầu rất lớn ngày càng tăng của người tiêu dùng trên toàn thế giới trong hiện tại và tương lai.

Nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng Quản trị cũng đã thống nhất trong năm 2007 sẽ góp vốn thành lập Công ty Incomfish khu vực Hoa Kỳ và Bắc Mỹ (đặt tại Hoa Kỳ) và khu vực Châu Âu (đặt tại Bỉ) để chế biến, đóng gói, phân phối các sản phẩm của Công ty tại hai thị trường lớn nhất thế giới hiện nay.

Ngoài ra với chiến lược phát triển về trung và dài hạn, Công ty cũng đã quyết định đầu tư vào lĩnh vực bất động sản với dự án góp vốn vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Saga để xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại số 32 đường Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Tp.HCM. Đây là một vị trí mang tính chiến lược tọa lạc



tại trung tâm thành phố Hồ Chí Minh.

Đặc biệt Công ty cũng sẽ từng bước tham gia đầu tư vào lĩnh vực tài chính, chứng khoán trong năm 2007.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình và nhu cầu lao động

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2006 là 880 người trong đó trực tiếp sản xuất là 768 người, lao động gián tiếp là 112 người.

Với mục tiêu kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh trong giai đoạn từ năm 2007 đến năm 2009, song song với việc lập kế hoạch về nhu cầu vật tư, nguyên liệu cho sản xuất, Công ty còn phải tính toán, lập kế hoạch tuyển dụng lao động nhằm bảo đảm mục tiêu sản xuất nêu trên. Thị trường lao động hiện nay rất cạnh tranh trong việc tuyển dụng song để đạt được kế hoạch phát triển trong giai đoạn trên, Công ty cần nhu cầu lao động như sau:

DIỄN GIẢI	2007	2008
1/ Tổng số lao động (người)	970	1.134
- Gián tiếp	120	103
- Trực tiếp	850	1031
2/ Tỷ trọng LĐ nam/nữ (người)	970	1.134
- Nam	300	320
- Nữ	670	814
3/ Tổng quỹ lương (tỷ đồng)	19,20	23,00
- Gián tiếp	4,03	5,32
- Trực tiếp	15,17	17,68
4/ Tiền lương bq/ tháng (đồng/tháng/người)	1.521.000	1.690.182
5/ NSLĐ bình quân (tấn/người/tháng)	0,5	0,7

Nguồn: Incomfish

9.2 Chính sách đối với người lao động

Đảm bảo ổn định việc làm cho người lao động. Thu nhập bình quân của người lao động toàn Công ty là 19.500.000 VNĐ/người/năm.

Công ty đã không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên, ngoài buổi ăn cơm trưa và tăng ca theo qui định, Công ty còn tổ chức thêm buổi ăn sáng cho toàn thể công nhân đảm bảo dinh dưỡng cần thiết; thực hiện đầy đủ chế độ bồi dưỡng ca 3 độc hại cho công nhân theo qui định của Nhà nước.

Công ty cũng đã liên kết với người dân địa phương để xây dựng các khu nhà trọ đạt tiêu chuẩn cần thiết cho cuộc sống. Công ty có những chính sách ưu đãi cho công nhân gắn bó lâu dài với Công ty bằng cách hỗ trợ 100 % tiền thuê nhà trọ. Đến cuối năm 2006, Công ty đã hỗ trợ đầu tư 90 phòng trọ, đủ đáp ứng chỗ ở cho 540 công nhân.

Thực hiện đầy đủ các chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, phụ cấp độc hại cho người lao động. Đảm bảo khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ CB-CNV, đối với công nhân các khâu tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm được khám 2 lần/năm.



Ngoài ra, Công ty còn có các chế độ khen thưởng Bàn tay vàng hàng tháng đối với các công nhân xuất sắc có năng suất cao, định mức chế biến tốt ... nhằm khuyến khích và khen thưởng kịp thời người lao động.

Ngoài các hoạt động chăm lo đời sống vật chất cho người lao động, Công ty còn chú trọng đến đời sống tinh thần của người lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các buổi sinh hoạt văn nghệ tập thể, thi đấu thể dục thể thao, vui chơi giải trí vào các dịp lễ lớn của đất nước.

Công ty còn lập tủ sách thanh niên và đặt báo thường xuyên hàng ngày phân phối đến các khu nhà trọ, đảm bảo nhu cầu văn hóa, thông tin cho công nhân.

Khu nhà trọ công nhân của Công ty được Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố, Liên đoàn lao động Huyện Bình Chánh chọn làm khu điển hình trong việc giải quyết chỗ ở cho người lao động có thu nhập thấp. Đồng thời, đã được Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh của Ban quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp thành phố (HEPZA) và Báo Người lao động tặng tivi, tủ sách công nhân, báo Người lao động cho công nhân đọc và được đồng chí Chủ tịch Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam Đặng Ngọc Tùng đến thăm.

Định kỳ hàng năm Công ty cũng đã tổ chức cho CB-CNV được nghỉ mát, tham quan tại Đà Lạt, Mũi Né, Vũng tàu, ...

10. Chính sách cổ tức

Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả cho các cổ đông theo tỷ lệ 60% từ lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước và chủ nợ. Trường hợp khác do HĐQT đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.

Theo quyết định của Luật doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

Trong năm 2005 Công ty không chi trả cổ tức, năm 2006 Công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam

11.1.1 Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau :

Nhà xưởng, vật kiến trúc	10 – 25 năm
Máy móc thiết bị	08 – 12 năm
Phương tiện vận tải	06 – 12 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 – 15 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm

11.1.2 Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2006 là 1.450.000 đồng/người. Đây là mức thu nhập tương đối cao so với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực.

11.1.3 Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty thực hiện tốt các khoản nợ đến hạn và đã trả nợ trước hạn đối với khoản vay trung dài hạn đầu tư xây dựng nhà máy trước đây.

11.1.4 Các khoản phải nộp theo luật định

Dvt: đồng

Các khoản phải nộp Ngân sách	2005	2006	6T2007
Số đầu kỳ còn phải nộp	68.086.904	28.123.355	6.751.497
Số phải nộp trong kỳ	220.602.881	93.998.100	227.166.129
Tổng số phải nộp	288.698.785	122.121.455	233.917.626
Số đã nộp	260.566.430	115.369.958	233.917.626
Số còn phải nộp cuối kỳ	28.123.355	6.751.497	0

Nguồn: Incomfish

Các khoản phải trả, phải nộp Ngân sách của Công ty không nhiều, chủ yếu là thuế GTGT, thuế xuất nhập khẩu và một vài loại thuế khác. Các khoản phải nộp thường không nhiều do đa phần hàng hoá xuất nhập khẩu của Công ty chịu mức thuế suất thấp. Do đó, Công ty luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ với Nhà nước.

11.1.5 Trích lập các quỹ

Số dư các quỹ của Công ty trong năm 2005 và năm 2006 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Các quỹ	2005	2006
Quỹ đầu tư phát triển	10.897.168	11.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	65.281.300	65.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.107.488.422)	-
Cộng	(1.031.309.954)	76.000.000

Nguồn: Báo cáo Kiểm toán năm 2005, 2006

**11.1.6 Tổng dư nợ vay**

Các khoản vay ngắn hạn của Incomfish chủ yếu là vay từ các ngân hàng thương mại, phục vụ cho nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu và tài trợ vốn hoạt động cho Công ty. Chi tiết các khoản vay ngân hàng này đến thời điểm 30/06/2007 như sau:

Khoản mục	USD	Thời hạn vay	Lãi suất	Quy đổi VND
Vay dài hạn đến hạn trả: - USD - VND	13,900.00			223.929.000 2.256.625.000
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1,716,901.14	Dưới 1 năm		27.593.070.591
NH HSBC	644,140.08	Dưới 1 năm		10.359.244.288
Tổng cộng				40.432.868.879

Nguồn: Incomfish

Các khoản phải trả người bán, tương tự như các khoản phải thu khách hàng, xuất phát từ mua bán gởi đầu trong việc cung cấp nguyên vật liệu và bán sản phẩm. Công ty có thuận lợi hơn so với nhiều công ty khác ở khả năng chiếm dụng được vốn của các đối tác nước ngoài để giảm vay nợ ngân hàng. Các đối tác này đều có mối quan hệ lâu dài với Công ty nên phương thức thanh toán công nợ sẽ dưới dạng thu tiền bán hàng trước khi trả tiền mua hàng. Do Công ty hoạt động gia công cho nhiều đối tác nên thường nhận nguyên liệu trước một thời gian để sản xuất sau đó mới xuất hàng đi và thực hiện thanh toán nguyên liệu hoặc cần trừ. Chính vì có sự chênh lệch thời gian thanh toán nên số dư phải trả của Công ty thường khá cao.

Bên cạnh đó, khoản vay và nợ dài hạn đã giảm đáng kể, bao gồm vay dài hạn ngân hàng 6.523.990.800 đồng và thuê tài chính 1.500.000.000 đồng. Đây là các khoản vay vốn dài hạn để đầu tư xây dựng nhà máy còn lại chưa đến hạn phải trả. Chi tiết các khoản vay dài hạn đến 30/06/2007 của Công ty như sau:

Ngân hàng	Số tiền	Kỳ hạn	Lãi suất
Quỹ Đầu Tư Phát triển Đô Thị Tp.HCM	924.063.000	05	4,00 %
NH Đầu Tư & PT Tp. HCM	5.599.927.800	07	Sibor + 2,70 %
Cty Cho Thuê Tài Chính - BIDV	1.500.000.000	05	9,96 %

Nguồn: Incomfish

Năm 2006, Công ty có một số khoản công nợ phải trả nhưng không có ai đòi trong khoảng thời gian từ năm 2000 đến 2005, tổng giá trị 277.491.605 đồng. Các khoản này phát sinh do trong quá trình hạch toán, Công ty ghi nhận đúng theo các chứng từ phát sinh. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân khác nhau (như hàng không đảm bảo chất lượng, giảm giá hàng mua,...) từ phía các chủ nợ nên các chủ nợ đã chấp nhận không đòi các khoản này. Do đó, Công ty đã hạch toán các khoản phải trả nhưng không có ai đòi này vào kết quả kinh doanh của Công ty năm 2006.



Ngoài ra, đến 30/06/2007 số dư trên tài khoản phải trả cán bộ công nhân viên của Công ty còn tồn số dư là 1.915 triệu đồng. Số dư này tương đối cao là do Công ty thực hiện trích quỹ lương theo doanh thu hàng tháng nhưng trả lương cho cán bộ công nhân viên theo hiệu quả và thời gian làm việc thực tế hàng tháng.

11.1.7 Tình hình công nợ hiện nay

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	2005	2006	6T/2007
Nợ phải thu	23.731	37.271	21.199
Phải thu của khách hàng	19.527	29.664	25.118
Trả trước cho người bán	3.763	5.220	8.598
Các khoản phải thu khác	905	2.857	3.293
Dự phòng phải thu khó đòi	(463)	(469)	(469)
Nợ phải trả	146.584	135.214	111.830
Vay và nợ ngắn hạn	76.267	62.461	40.433
Phải trả cho người bán	51.832	51.590	40.342
Người mua trả tiền trước	2	667	965
Thuế và các khoản phải nộp NN	44	14	14
Phải trả công nhân viên	1.752	2.037	1.915
Chi phí phải trả	-	11	11
Các khoản khác	1.680	10.410	20.140
Vay và nợ dài hạn	15.006	8.024	8.024

Nguồn: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006 và BCTC Quý 2/2007

Công nợ phải thu của Công ty chủ yếu là phải thu từ các khách hàng tiêu thụ sản phẩm của mình. Số liệu về công nợ phải thu của khách hàng tại thời điểm 30/06/2007 là 25.118 triệu đồng. Các khoản phải thu này xuất phát từ việc mua bán gói đầu, được xoay vòng theo tiến độ thực hiện các hợp đồng cung cấp sản phẩm cũng như tiếp nhận nguyên vật liệu từ phía khách hàng. Ngoài ra, Công ty cũng có một số khoản phải thu do trả trước cho người cung cấp nguyên liệu hay các khoản phải thu phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh khác.

11.1.8 Hàng tồn kho

Chi tiết hàng tồn kho năm 2005, 2006 và 6 tháng năm 2007 như sau :

Đvt: triệu đồng

Các chỉ tiêu	2005	2006	6T/2007
Hàng mua đang đi đường	-	62,46	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.869,87	4.530,15	4.096,07
Công cụ, dụng cụ	258,60	305,07	1.048,91
Thành phẩm	54.164,81	81.539,13	62.361,95
Cộng	58.293,28	86.436,82	67.506,93

**11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Đvt	2005	2006	6T/2007
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,70	1,05	1,08
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,24	0,37	0,42
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,73	0,52	0,47
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	Lần	0,27	0,48	0,53
- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	2,76	1,09	0,87
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	82,1	81,8	81,8
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,41	1,09	0,56
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,6	4,0	5,5
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	3,3	9,1	5,8
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,89	4,3	3,0

Sau các vụ kiện tôm, kiện cá hoạt động kinh doanh của Công ty khả quan hơn, khả năng thanh toán của Công ty ngày càng được cải thiện tốt. Vòng quay tổng tài sản và vòng quay hàng tồn kho tăng lên thể hiện hiệu quả sử dụng tài sản của Công ty tốt hơn, hàng hoá bán chạy hơn giúp cho khả năng thanh toán được đảm bảo.

Thêm vào đó, việc giảm cơ cấu nợ phải trả trên tổng nguồn vốn, gia tăng cơ cấu vốn chủ sở hữu trên tổng vốn giúp Công ty cải thiện tốt hơn khả năng tự tài trợ của mình, giảm áp lực cho khả năng thanh toán.

Từ năm 2005, Công ty đã thoát khỏi ảnh hưởng của các vụ kiện tôm, kiện cá nên khả năng sinh lời của Công ty ngày càng mạnh mẽ. Hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng gia tăng thể hiện ở hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần. Đây cũng là một trong những đặc điểm của ngành do yêu cầu về cơ sở hạ tầng lớn nên đòi hỏi phải có khả năng tiêu thụ lớn mới có thể có lợi nhuận tốt.

Sự gia tăng trong sản lượng sản xuất và tiêu thụ như đã đề cập ở phần trên đã mang lại hiệu quả kinh doanh khả quan cho Công ty. Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu tăng không ngừng đã cho thấy Công ty sử dụng đòn cân nợ khá tốt. Thu nhập trên mỗi cổ phần cũng tăng lên, làm giá trị cổ phần tăng mang lại hiệu quả đầu tư của các cổ đông Công ty cũng được cải thiện.

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty ngày càng tốt, khả năng sinh lời cao hơn, đi kèm với độ an toàn tài chính cao. Điều này đã thể hiện Công ty đang đi vào trạng thái ổn định sản xuất kinh doanh, bắt đầu chuyển mình để có những bước phát triển mạnh mẽ.



12. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

12.1 Hội đồng quản trị

12.1.1 Nguyễn Thị Kim Xuân - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM XUÂN
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 24/06/1959
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 16 bis Trần Cao Vân, Phường Đakao, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7 653 145, (08) 7 653 137
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chế biến Thủy sản
- Quá trình công tác:
 - Từ 1981 – 1991: Trưởng ban Kiểm tra chất lượng sản phẩm (KCS) Xí nghiệp Đông lạnh Việt Long – Sở Thủy sản TP.HCM
 - Từ 1991 – 1999: Giám đốc Trung tâm Đầu tư & XNK – Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn
 - Từ 1999 – nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 2.348.522 cổ phần
 - Những người liên quan:
 - Ông Nguyễn Phát Quang (chồng): 540.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thu (em): 970.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.2 Nguyễn Phát Quang – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN PHÁT QUANG
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/06/1952



- Nơi sinh: TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP.HCM
- Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn Thị Diệu, Phường 6, Quận 3, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7 653 145
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngoại thương, Sau Đại học Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 1975 – 1981: Cán bộ Bộ nông nghiệp
 - Từ 1981 – 1991: Cán bộ Bộ Thủy sản
 - Từ 1991 – 2006: Chuyên viên Kinh tế CQ.TUĐ TNCS HCM
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công ty SAGA
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 540.000 cổ phần
 - Những người liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (vợ): 2.348.522 cổ phần
 - Ông Nguyễn Phát Quang Vinh (em): 75.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.3 Trịnh Bá Hoàng – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: TRỊNH BÁ HOÀNG
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/08/1960
- Nơi sinh: Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Trường Bình, huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An
- Địa chỉ thường trú: 4A1-6, Sky Garden 2, Đô thị Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7653144/45
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý xí nghiệp Công Nghiệp (ĐH Kinh Tế TP.HCM), Cử nhân Ngoại thương (ĐH Ngoại Thương Hà Nội)



- Quá trình công tác:
 - Từ 11/1983 – 04/1986: Nhân viên Phòng kế hoạch Công ty Khai thác và chế biến Thủy sản Đà Nẵng
 - Từ 04/1986 – 07/1987: Trợ lý Giám Đốc Xí nghiệp Đông lạnh số 14 – Tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng (Công ty Khai thác và CBTSDN sát nhập vào Đông lạnh số 14)
 - Từ 07/1987 – 05/1998: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Xí nghiệp Đông lạnh 32 Đà Nẵng (Tách ra từ Đông lạnh số 14)
 - Từ 05/1998 – 09/2001: Phó Giám đốc Kinh doanh Công ty Thủy sản và Thương mại Thuận Phước (Tiền thân là XN Đông lạnh 32 Đà Nẵng)
 - Từ 10/2001 – 06/2002: Trưởng ban Quản lý dự án Nhà máy chế biến Thủy sản thuộc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish), đặt tại KCN Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, TP.HCM
 - Từ 06/2002 – nay: Tổng giám đốc Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng giám đốc Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 277.200 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.4 Nguyễn Thị Kim Thu – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM THU
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 15/04/1961
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Khánh Hưng, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
- Địa chỉ thường trú: 19 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7653142
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế (ĐH Kinh Tế TP.HCM), Chương trình Kintế Fullbright – ĐH Havard
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1984 – 11/1994: Nhân viên Phòng Kế toán Tài chính – Công ty Cấp nước TP.HCM
 - Từ 12/1994 – 09/2002: Kế toán trưởng Ban QLDA VIE – 1273 (SF)/ Công ty Cấp nước TPHCM



- Từ 10/2002 – 08/2003: Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Từ 09/2003 – nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (Incomfish)
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính Công ty Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 970.000 cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - Bà Nguyễn Thị Kim Xuân (chị): 2.348.522 cổ phần
 - Bà Nguyễn Thị Kim Thủy (chị): 971.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.5 Cao Thanh Định – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: Cao Thanh Định
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/04/1972
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 80/73/25 Hoàng Hoa Thám, P.7, Q. BT, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân tài chính - ngân hàng (ĐH Kinh tế TP. HCM)
 - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - MBA (CFVG)
- Quá trình công tác:
 - 1995 - 2000: Giám đốc tín dụng Ngân hàng Deutsche Bank
 - 2001 - 2002: Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng United Overseas Bank
 - 2002 - 2003: Trưởng phòng kinh doanh Cty BHNT Bảo Minh - CMG
 - 2003 - nay: Giám đốc Đầu tư - Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Đầu tư - Dịch vụ Tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á



- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan:
 - Sở hữu cá nhân: 9.500 cổ phần
 - Những người có liên quan:
 - Bà Dương Thùy Hương (vợ): 28.000 cổ phần
 - Anh Cao Thanh Bình: 7.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.1.6 Erik J.F.Smeys – Thành viên Hội đồng Quản trị

- Họ và tên: ERIK J.F.SMEYS
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/09/1964
- Nơi sinh: Louvain, Bỉ
- Quốc tịch: Bỉ
- Dân tộc: Bỉ
- Quê quán: Bỉ
- Địa chỉ thường trú: Oude Aarschotseweg 8, 3012 Wilsele, Bỉ
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: +32 497 59 07 30
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh Tế, Thạc sỹ Luật, Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh
- Quá trình công tác:
 - Từ 07/1988 – 10/1988: Thực tập sinh tại Công ty Luật Fisher Porter & Kent – Long Beach California – Luật vận chuyển quốc tế
 - Từ 07/1989 – 02/1992: Chuyên viên Phòng kế hoạch Công ty Thực phẩm Campbell ở Orpington, Anh quốc. Nhiệm vụ chính:
 - Lập kế hoạch chiến lược 5 năm, Thực hiện các kế hoạch ngân sách cho Công ty, kiểm soát và báo cáo tiến độ thực hiện
 - Từ 02/1993 – 05/1995: Chuyên viên tài chính và chiến lược của Công ty REDASCO. Nhiệm vụ chính:
 - Xác định và phân tích các cơ hội hợp tác kinh doanh
 - Điều hành các hoạt động kinh doanh của các chi nhánh của Công ty
 - Tư vấn chiến lược cho Hội Đồng Quản Trị
 - Tư vấn chiến lược M&A cho nhiều khách hàng khác nhau trong các lĩnh vực công nghiệp khác nhau



- Từ 06/1995 – 11/2000: Giám đốc điều hành Công ty chế biến và phân phối thực phẩm Made in Sea với các chi nhánh tại Bỉ, Đức, Tây Ban Nha, Pháp. Nhiệm vụ chính:
 - Giám sát hoạt động hàng ngày của 2 nhà máy tại Bỉ và Đức và 3 văn phòng chi nhánh kinh doanh tại Pháp, Tây Ban Nha và Mỹ
 - Cải tiến phương pháp quản lý các chuỗi kinh doanh hướng tới mục đích tạo ra giá trị cộng thêm cho công ty và các đối tác kinh doanh
 - Bán hàng và tiếp thị: Quản lý phát triển kinh doanh và tốc độ tăng trưởng của Công ty, quản lý các khách hàng lớn của Công ty ở Châu Âu, Trung Đông và Mỹ
 - Quản lý kênh cung cấp: Mua hàng ở Châu Âu, Viễn Đông (Việt Nam, Trung Quốc, Indonexia, Thái Lan, Bangladesh) và Châu Mỹ La tinh, giám sát hệ thống giao nhận và các hoạt động nhập khẩu.
- Từ 02/2001 – nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ. Nhiệm vụ chính: Tư vấn các chiến lược kinh doanh và phân tích vốn đầu tư
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty tư vấn kiểm toán KPMG tại Brussel, Bỉ
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân : 123.800
- Những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.2 Ban kiểm soát

12.2.1 Nguyễn Thị Ngọc Thảo -Trưởng Ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 28/05/1957
- Nơi sinh: Sài Gòn
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: 147 Trần Hữu Trang, P.10, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7 653 145/ (08) 7 653 137
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp Kế toán
- Quá trình công tác:



- Từ 1977 – 1981: Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí Đồng Khởi – Sở Công nghiệp TP.HCM
- Từ 1981 – 1985: Kế toán tổng hợp Công ty RAMEICO
- Từ 1985 – 1991: Kế toán tổng hợp Công ty COSEVINA
- Từ 1991 – 1999: Kế toán trưởng Trung tâm Đầu tư & XNK
- Từ 1999 – 2003: Phó giám đốc tài chính Công ty Incomfish
- Từ 2003 – nay: Thành viên ban kiểm toán nội bộ Công ty Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm toán nội bộ kiêm Trưởng Ban Kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 12.480 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.2.2 Nguyễn Thị Hạnh Phúc – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẠNH PHÚC
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/11/1957
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thanh Hóa
- Địa chỉ thường trú: P59-C9 Kim Liên, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (04) 5 147 140
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Chuyên viên nghiệp vụ tài chính Ngoại thương
- Quá trình công tác
 - Từ 1978 - 1987: Giáo viên trường PTCS Huỳnh Thúc Kháng, Hải Phòng
 - 1987 – 1988 : Kế toán Công ty Giao nhận ngoại thương, Bộ Ngoại thương
 - 1988 – 1992 : Kế toán Công ty ESACO, Tp. Hồ Chí Minh
 - 1993 – 1997 : Cán bộ kinh doanh Công ty Hạ Long, Bộ Quốc phòng
 - 1997 đến nay : Giám đốc Công ty TNHH Maika
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 0 cổ phần (0.00%)
- Những người liên quan:



- Hành vi vi phạm pháp luật (nếu có): Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.2.3 Nguyễn Thị Ngọc Linh – Thành viên Ban kiểm soát

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC LINH
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 21/02/1976
- Nơi sinh: Hà Tây
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Dân Hòa, Huyện Thanh Oai, Tỉnh Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Số 4, ngõ 50/6 Chính Kinh, Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 8 218 666 Ext: 166
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn:
 - Cử nhân Kinh tế (ĐH Kinh tế Quốc dân Hà Nội)
 - Thạc sỹ Tài chính công (Trường Fulbright – ĐH Havard)
- Quá trình công tác:
 - Từ 1998 – 2003: Kế toán trưởng – Công ty FINTEC
 - Từ 2004 – nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Từ 2006 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân
 - Từ 2006 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành
 - Từ 04/2007 – nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổ trưởng Tài chính Quản trị – Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không



12.3 Ban Tổng Giám đốc

12.3.1 Trịnh Bá Hoàng - Tổng Giám đốc

(Xin xem phần 12.1.3)

12.3.2 Nguyễn Thị Kim Thu – Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính

(Xin xem phần 12.1.4)

12.3.3 Hoàng Hải Phương – Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: HOÀNG HẢI PHƯƠNG
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/05/1956
- Nơi sinh: Xã Đại Thắng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Đại Thắng, Huyện Đại Lộc, Tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú: 31 Phan Thanh, Phường Thạc Gián, Quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08)7653144/145
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp (ĐH Bách Khoa Đà Nẵng)
- Quá trình công tác:
 - Từ 01/1982 – 1983: Cán bộ Ban giáo dục chuyên nghiệp Tỉnh Quảng Nam, Đà Nẵng
 - Từ 1983 – 05/1990: Trưởng phòng kế hoạch vật tư Nhà máy dệt 29/3 Đà Nẵng
 - Từ 06/1990 – 1993: Trưởng phòng kinh doanh Xí nghiệp chế biến thủy đặc sản số 10 – Đà Nẵng
 - Từ 1993 - 4/1996: Trưởng phòng kinh doanh Công ty kinh doanh chế biến hàng xuất nhập khẩu Đà Nẵng
 - Từ 4/1996 – 2006: Giám đốc Xí nghiệp chế biến thủy đặc sản số 10 - Đà Nẵng
 - Từ 9/2006 – nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Incomfish
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản Incomfish
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân: 60.000 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không



- Quyền lợi mâu thuẫn với công ty: Không

12.4 Kế toán trưởng

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU THỦY
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/05/1968
- Nơi sinh: TP. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Khu phố 5, Huyện Dầu Tiếng, Tỉnh Bình Dương
- Địa chỉ thường trú: 407/26/42 Quang Trung, P. 10, Q. Gò Vấp, TP. HCM
- Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: (08) 7 653 139
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Trường ĐH Tài chính – Kế toán TP. HCM
- Quá trình công tác:
 - Từ 1994 – 2006: Kế toán tổng hợp – Công ty XNK Tổng hợp Sài Gòn
 - Từ 01/2007 – nay: Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại Thủy sản
- Số lượng cổ phần sở hữu của bản thân và những người liên quan: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty: Không

13. Một số tài sản cố định lớn của Công ty

Đvt: đồng

NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC		31/12/2005		31/12/2006	
		Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
	Diện tích	33.581.502.480	4.029.780.297	33.581.502.480	5.373.040.396
Nhà điều hành A 77/I Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - TP.HCM	1.022,4 m2	8.048.044.135	965.765.295	8.048.044.135	1.287.687.060
Nhà máy Incomfish A 77/I Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - TP.HCM	20.802 m2	8.615.243.294	1.033.829.196	8.615.243.294	1.378.438.928
Nhà phụ trợ A 77/I Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - TP.HCM	2.852,92 m2	3.535.845.135	424.301.415	3.535.845.135	565.735.220



NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC		31/12/2005		31/12/2006	
		Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
<i>Nhà xưởng</i> A 77/I Đường số 7 - KCN Vĩnh Lộc - TP.HCM	11.505,0 m2	13.382369.916	1.605.884.391	13.382369.916	2.141.179.188

PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI			31/12/2005		31/12/2006	
			Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
	Công suất	Nhãn hiệu	1.720.822.600	624.347.849	1.720.822.600	754.437.132
XE HƠI	4 chỗ	TOYOTA	371.644.000	111.493.200	371.644.000	148.657.600
XE NÂNG	1.500Kg	KOMATSU	74.205.000	18.551.250	74.205.000	24.735.000
XE NÂNG	2.000Kg	UMW	156.827.800	39.206.949	156.827.800	52.275.932
XE NÂNG	1.300Kg	UMW	465.106.800	116.276.700	465.106.800	155.035.600
XE NÂNG	1.400Kg	LINDE	418.959.000	104.739.750	418.959.000	139.653.000
XE TOYOTA	12 chỗ	TOYOTA	234.080.000	234.080.000	234.080.000	234.080.000

PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI			31/12/2005		31/12/2006	
			Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
	Công suất	Nhãn hiệu	1.720.822.600	624.347.849	1.720.822.600	754.437.132
XE HƠI	4 chỗ	TOYOTA	371.644.000	111.493.200	371.644.000	148.657.600
XE NÂNG	1.500Kg	KOMATSU	74.205.000	18.551.250	74.205.000	24.735.000
XE NÂNG	2.000Kg	UMW	156.827.800	39.206.949	156.827.800	52.275.932
XE NÂNG	1.300Kg	UMW	465.106.800	116.276.700	465.106.800	155.035.600
XE NÂNG	1.400Kg	LINDE	418.959.000	104.739.750	418.959.000	139.653.000
XE TOYOTA	12 chỗ	TOYOTA	234.080.000	234.080.000	234.080.000	234.080.000

MÁY MÓC THIẾT BỊ			31/12/2005		31/12/2006	
			Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
	Nước sản xuất	Công suất	25.947.688.604	6.436.383.658	25.947.688.604	8.646.118.562
HỆ THỐNG CAMERA			206.965.831	77.612.187	206.965.831	103.482.916
ĐỒ KIM LOẠI NISSIN	Japan		365.832.000	91.458.000	365.832.000	121.944.000
MÁY NÉN MYCOM	Japan	142.650 KCAL/H	879.317.683	219.412.795	879.317.683	292.689.269
HÚT CHÂN KHÔNG NISSIN	Japan	-	762.667.297	190.305.468	762.667.297	253.861.076
MÁY PHÁT ĐIỆN ONAN	Mỹ	1.000Kw	2.328.236.564	697.147.211	2.328.236.564	929.970.867
MÁY SẤY GIÁT PRIMUS	Bi	35kg/mê	306.499.400	76.624.851	306.499.400	102.166.468
NÉN LẠNH MYCOM	Japan	60.000-630.000K	5.914.564.458	1.480.618.206	5.914.564.458	1.973.498.578



MÁY MÓC THIẾT BỊ			31/12/2005		31/12/2006	
			Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
		cal/h				
DÀN NGỪNG EVACO	Mỹ	1800Kw/dàn	1.700.542.298	424.329.849	1.700.542.298	566.041.707
KÊ DI ĐỒNG BPS	Europe	2.500tấn	2.962.526.670	739.228.008	2.962.526.670	986.105.231
C.NHIỆT KHO L ISOCAB	Europe	-	950.657.417	237.213.928	950.657.417	316.435.379
T.BỊ LẠM LẠNH ALFA LAVAL	Europe	390.000Kcal/h	456.591.205	113.931.468	456.591.205	151.980.735
DÀN LẠNH ĐHKK ALFA LAVAL	Europe	903Kw	620.761.962	154.896.372	620.761.962	206.626.536
D.LẠNH KHO LẠNH GUNTNER	Đức	-	626.924.485	156.434.081	626.924.485	208.677.788
HÀM ĐỒNG GIÓSEAREFICO	Việt Nam	1.650Kg/mẻ	401.820.403	100.264.716	401.820.403	133.749.750
TỦ ĐỒNG GIÓ SEAREFICO	Việt Nam	375Kg/45 phút/tủ	483.422.044	120.626.463	483.422.044	160.911.633
KHO LẠNH PANKAT	Malaysia	-	3.539.207.114	883.124.0882	3.539.207.114	1.178.058.808
VAL DANFOSS	Đan Mạch		406.417.881	101.604.473	406.417.881	135.472.630
MÁY PHÂN CỖ SEAREFICO	Việt Nam	1.500Kg/h	1.150.964.690	263.262.853	1.150.964.690	359.176.577
03 DÀN LẠNH TRANE	Europe	12Kw/dàn	383.769.202	99.954.514	383.769.202	131.935.281
Dây chuyền SX cá viên VẠN LOC	Việt Nam		1.500.000.000	208.333.333	1.500.000.000	333.333.333

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH			31/12/2005		31/12/2006	
			Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
	Nước sản xuất	Công suất	16.470.216.407	4.109.453.624	16.470.216.407	5.482.832.793
03 MÁY ĐÁ VẦY NORTH STAR	Mỹ	32+46+46tấn/24h	2.754.088.092	686.301.694	2.754.088.092	915.809.035
17 BÌNH ÁP LỰC SEAREFICO	Việt Nam		2.596.916.616	647.135.535	2.596.916.616	863.545.253
02 BỘ BUỒNG TÁI ĐỒNG SEAREFICO	Việt Nam	500Kg/h	521.839.361	130.039.138	521.839.361	173.525.752
01 BỘ BĂNG CHUYỀN IQF SEAREFICO	Việt Nam	350Kg/h	20.667.186	7.725.202	20.667.186	10.308.600
01 TỦ ĐỒNG TIẾP XÚC SEAREFICO	Việt Nam	990Kg/mẻ	779.297.815	194.196.189	779.297.815	259.137.674
02 TỦ ĐỒNG GIÓ SEAREFICO	Việt Nam	375Kg/45 phút/tủ	1.388.441.701	345.991.071	1.388.441.701	461.694.546



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH			31/12/2005		31/12/2006	
			Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
VAL DANFOSS	Đan Mạch		436.641.578	108.808.377	436.641.578	145.195.175
PHỤ KIỆN LẮP ĐẶT SEATECCO	Việt Nam		1.094.519.403	272.747.456	1.094.519.403	363.957.406
TỦ ĐIỆN ĐỘNG LỰC SEATECCO	Việt Nam		1.715.477.776	427.486.436	1.715.477.776	570.442.917
HỆ THỐNG NƯỚC THẢI SWEP PHONG	Việt Nam	600m3/ngày đêm	2.583.308.677	646.347.161	2.583.308.677	861.622.885
HỆ THỐNG NƯỚC CẤP SWEP PHONG	Việt Nam	130m3/h	619.070.563	154.268.551	619.070.563	205.857.765

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH		31/12/2005		31/12/2006	
		Nguyên giá	Tổng hao mòn	Nguyên giá	Tổng hao mòn
	380.000 USD	5.712.920.000	856.938.000	5.712.920.000	1.142.584.000
INCOMFISH + Logo	110.000	1.653.740.000	248.061.000	1.653.740.000	330.748.000
SAIGON PACIFIC + Logo	90.000	1.353.060.000	202.959.000	1.353.060.000	270.612.000
SHRIMP ONE + Logo	90.000	1.353.060.000	202.959.000	1.353.060.000	270.612.000
LEADER FISH + Logo	90.000	1.353.060.000	202.959.000	1.353.060.000	270.612.000

Nguồn: Incomfish

Nhãn hiệu hàng hoá và các logo của Công ty được chuyển nhượng từ Công ty Incomex Saigon. Giá trị các nhãn hiệu này là 380.000 USD được xem như khoản góp vốn của Incomex Saigon vào Công ty theo Biên bản thoả thuận định giá tài sản góp vốn ngày 30/07/1999 được ký kết giữa hai bên. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay, Incommex Saigon đã bán hết phần vốn của mình tại Công ty cho các cổ đông khác, không còn là cổ đông của Công ty.

14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

14.1 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu tài chính	2006	2007	07/06	2008	08/07	2009	09/08
Doanh thu thuần	283,153	397,000	140%	680,636	171%	900,000	132%
Lợi nhuận trước thuế	11,246	18,860	168%	35,393	188%	47,700	135%
Lợi nhuận sau thuế	11,246	18,860	168%	35,393	188%	47,700	135%
Tỷ lệ LNST/ DTT	3.97%	4.75%	120%	5.20%	109%	5.30%	102%
Vốn điều lệ bình quân	118,000	134,667	114%	330,500	245%	368,000	111%



Tỷ lệ LNST/Vốn điều lệ bình quân	9.53%	14.00%	147%	10.71%	76%	12.96%	121%
Tỷ lệ cổ tức ¹	10%	-		-		-	

Nguồn: Kế hoạch phát triển Công ty Incomfish giai đoạn 2006 - 2010

Công ty được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, được miễn thuế 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% cho 7 năm tiếp theo theo điều 35, khoản 1a và điều 36, khoản 6 Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Công ty được giảm 50% cho 2 năm kể từ khi đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

14.2 Căn cứ để hoàn thành kế hoạch lợi nhuận

Trong những năm vừa qua, ngành thủy sản Việt Nam chịu nhiều tác động từ phía thị trường thủy sản thế giới. Các vụ kiện chống bán phá giá tôm, cá đã gây ảnh hưởng lớn đối với các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Tuy nhiên, hậu quả của các tác động đó từ cuối năm 2005 đã giảm dần, Công ty hoạt động bắt đầu có hiệu quả. Năm 2006, Công ty hoàn toàn có thể xóa được số lỗ lũy kế do các năm trước để lại và từ năm 2007 trở đi, Công ty có lợi nhuận chia cổ tức cho các cổ đông.

Bên cạnh đó, Công ty chưa sử dụng hết công suất thiết bị và nhân công của mình. Hiện nay, công suất sản xuất chỉ vào khoảng 50% tổng công suất thiết kế. Do vậy, Công ty hoàn toàn có khả năng gia tăng doanh số và lợi nhuận của mình.

Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận các năm tiếp theo được xây dựng trên cơ sở kế hoạch sản xuất kinh doanh:

14.2.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

NHÓM SẢN PHẨM	2007		2008	
	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (tr.đ)	Sản lượng (tấn)	Doanh thu (tr.đ)
1/ XUẤT KHẨU	5.395	390.500	6.328	668.536
Nhóm Tôm	2.550	250.000	3.125	337.655
Nhóm Cá	2.375	105.000	2.344	243.896
Nhóm TPCB & Thủy sản khác	470	35.500	859	86.985
2/ NỘI ĐỊA	127	6.500	150	12.100
TỔNG CỘNG	5.522	397.000	6.478	680.636

Nguồn: Kế hoạch phát triển Incomfish

Để đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh trên, Công ty xây dựng kế hoạch nguyên vật liệu sản xuất. Kế hoạch này sẽ giúp cho Công ty chủ động hơn trong việc hoàn thành kế hoạch sản xuất của mình.

¹ Để tập trung vốn cho đầu tư phát triển, Công ty không chia cổ tức trong giai đoạn này. Riêng năm 2006, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu 10%.

**14.2.2 Kế hoạch nguyên vật liệu**

NHÓM SẢN PHẨM	2007	2008
1/ Nguyên liệu chính (tấn)	6.989	8.815
Nhóm Tôm	3.477	4.346
Nhóm Cá	2.587	3.234
Nhóm Thực phẩm chế biến và Thủy sản khác	924	360
2/ Trị giá Nguyên liệu chính (ngàn USD)	24.265	31.149
Nhóm Tôm	16.826	21.453
Nhóm Cá	4.644	5.921
Nhóm Thực phẩm chế biến và Thủy sản khác	2.207	2.814
Nhóm vật liệu phụ	588	961
3/ Trị giá Nguyên vật liệu phụ (ngàn USD)	1.146	1.473
Bột	7	10
Phụ gia	89	114
Hóa chất	34	43
Bao bì đóng gói	986	1.267
Nhiên liệu	30	39
TỔNG CỘNG	25.411	32.726

Nguồn: Kế hoạch phát triển Incomfish

Về mặt thị trường, Công ty chủ yếu xuất khẩu sang châu Âu, Nhật Bản,... và đã ký được nhiều hợp đồng lớn, mang tính dài hạn với các đối tác nước ngoài trong việc cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ sản phẩm. Các khách hàng có giao dịch lớn và lâu dài với Công ty có thể kể đến các công ty như:

- Africasia
- Asia Euro Import-Export Gmbh
- Banca Agricola Commerciale
- Bright Crystal Trading Pte Ltd
- Cfood Exports
- Chun Cheng Fishery
- Enterprise Pte Ltd
- Credenza Sea Products Ltd.
- Dan Lachs Gmbh
- Danberg Ehf
- Diamond Seafood (Uk) Limited
- Eurimex Developpement
- Euromex Seafood
- Expack Seafood., Inc
- Food Partners Co Sa
- Frigorificos Defin Sa
- Fruits Lagoon Inc
- H.I.T
- I.G.Int'l Trading Ltd
- Icelandic Germany Gmbh
- Icelandic Uk Ltd
- Inlet Seafish
- Kishore Kumar
- Lu's Trading Inc.
- Marseille Store
- Marubeni Corporation
- MC Marine Inc.
- Mitrol Group
- Moguntia
- Natural F & P Corp
- Japan Food Corporation
- Paris Store S.A
- Pescados P.C.S., SI
- Pickenpack Hussmann.



- | | |
|--------------------------------|--------------------------------------|
| ▪ Prime- SeaInternational Inc. | ▪ Seafood Co., Ltd |
| ▪ Prime Time Seafood | ▪ Shantou Longsheng |
| ▪ Royal Greenland Gmbh | ▪ Aquatic Product Foodstuff Co., Ltd |
| ▪ S.Chanchala Combines | ▪ Sohail |
| ▪ Safcol | ▪ Sojitz Corporation |
| ▪ Safdar | ▪ Solasie Sarl |
| ▪ Safrexco Trading Ag | ▪ St. John |
| ▪ Savvy Seafood Inc | ▪ Suram Thailand |
| ▪ Sea Int'l Co., Ltd | ▪ Thaifoods Coating |
| ▪ Sea-Bell A/S | ▪ Zhan Jiang Baohui Sea Product |
| ▪ Seacold Seafoods (S) Pte Ltd | Pte.Ltd,Co |

14.2.3 Kế hoạch đầu tư

Để bảo đảm cho nhu cầu kế hoạch sản xuất, nâng cao sản lượng sản xuất cũng như hoàn thiện dần trong quản lý doanh nghiệp, Công ty cũng có phương án mở rộng đầu tư sang hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Đồng thời nhằm củng cố vị thế cạnh tranh và phát triển lâu dài cho Công ty, Hội đồng quản trị Công ty nhất trí đầu tư mở rộng thêm để tận dụng hết khả năng, nguồn lực của mình nhằm mang lại hiệu quả tối ưu mà Công ty có thể có trong việc xây dựng và huy động nguồn lực.

Ngoài việc đầu tư mở rộng sản xuất, Công ty cũng tham gia góp vốn đầu tư các dự án trong lĩnh vực bất động sản. Để đáp ứng cho nhu cầu vốn đầu tư phát triển, HĐQT bắt thường ngày 10/08/2007 đã thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ của Công ty từ 118 tỷ đồng lên 368 tỷ đồng và phương án phát hành này cũng đang được trình lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét phê duyệt, chi tiết như sau:

- Phát hành 1.180.000 cổ phần tương đương 11,8 tỷ đồng mệnh giá cho các cổ đông hiện hữu với giá 10.000 đồng/cổ phần, cổ đông sở hữu 10 cổ phần vào ngày chốt danh sách sẽ được mua 01 cổ phần.
- Phát hành 590.000 cổ phần tương đương 5,9 tỷ đồng mệnh giá với giá 25.000 đồng/cổ phần cho CBCNV có thời gian công tác tối thiểu 12 tháng và theo danh sách được phê duyệt của HĐQT với giá dự kiến từ 20.000 – 25.000 đồng/cổ phần.
- Phát hành 1.180.000 cổ phần tương đương 11,8 tỷ đồng mệnh giá cho các cổ đông chiến lược với giá 20.000 – 25.000 đồng/cổ phần và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn đối tác chiến lược.
- Phát hành 7.080.000 cổ phần tương đương 70,8 tỷ đồng mệnh giá cho các cổ đông hiện hữu với giá từ 20.000 – 25.000 đồng/cổ phần
- Phát hành 14.970.000 cổ phần và số cổ phần các đối tượng trên không thực hiện hết quyền mua theo phương thức thỏa thuận hoặc đấu giá công khai với giá khởi điểm 50.000 đồng/cổ phần.

Vốn và thặng dư vốn thu được từ đợt phát hành trên được sử dụng đầu tư cho các dự án của Công ty trong năm 2007:



1. Dự án góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu: Incomfish góp 66,24 tỷ đồng vốn điều lệ để xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Đông lạnh tại tỉnh Đồng Tháp bao gồm: nhà máy chế biến cá tra đông lạnh với công suất 150 tấn thành phẩm đông lạnh/ngày; nhà máy chế biến thức ăn thủy sản với công suất 250.000 tấn/năm; vùng nuôi cá với diện tích trên 200 ha. Hiện nay dự án đang triển khai và dự kiến nhà máy chế biến cá sẽ đi vào hoạt động trong tháng 03 năm 2008 và sẽ đem lại lợi nhuận khoảng 30% trên vốn góp của Công ty.
2. Dự án xây dựng nhà máy chế biến cá Đại dương đông lạnh tại Tp. HCM: Công ty Incomfish sẽ góp 48,51 tỷ đồng vốn điều lệ vào Công ty cổ phần Thương mại Thủy sản Đại Dương để xây dựng nhà máy chế biến cá đại dương đông lạnh với công suất 40-50 tấn thành phẩm/ngày, dự kiến nhà máy sẽ đi vào hoạt động năm 2008 và lợi nhuận đem lại khoảng 20% trên vốn góp của công ty.
3. Dự án Nhà máy chế biến cá đông lạnh và đóng hộp tại tỉnh Phú Yên: Công ty sẽ góp 48,51 tỷ đồng vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Phú Yên để xây dựng nhà máy chế biến cá đông lạnh và đóng hộp với công suất 50 tấn thành phẩm/ngày. Dự án đi vào hoạt động năm 2008 và lợi nhuận dự kiến khoảng 20% trên vốn góp của công ty.
4. Dự án góp vốn thành lập Công ty Incomfish tại Hoa Kỳ và Châu Âu:
 - Tổng vốn đầu tư cho 02 Công ty dự kiến khoảng 1.800.000 USD tương đương 29 tỷ đồng, trong đó Incomfish góp 49 % vốn điều lệ.
 - Hiện nay, dự án đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 38/BKH-ĐTRNN và 39/BKH-ĐTRNN ngày 01/6/2007. Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý tại các nước sở tại.
5. Dự án Các Nhà máy chế biến tại phía Bắc: Công ty sẽ góp 20 tỷ đồng vốn điều lệ vào Các Công ty Cổ phần Thủy sản Phía Bắc để tạo nguồn nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến. Dự án đi vào hoạt động năm 2008 và lợi nhuận dự kiến khoảng 20% trên vốn góp của công ty.
6. Đầu tư máy móc thiết bị tại nhà máy Incomfish: dây chuyền chế biến sản phẩm bao bột tự động và một số thiết bị khác với tổng vốn đầu tư khoảng 16 tỷ đồng.
7. Đầu tư vào một số dự án bất động sản ở các vị trí chiến lược tại trung tâm Tp. HCM bao gồm việc góp vốn với các cá nhân và pháp nhân khác để đầu tư dự án xây dựng và khai thác khách sạn 4 sao; dự án trung tâm thương mại và tài chính quốc tế với tổng vốn dự kiến khoảng 600 tỷ đồng. Các dự án bất động sản này sẽ được chính thức công bố sau khi có giấy phép đầu tư. Trước mắt công ty thực hiện dự án xây dựng cao ốc văn phòng cho thuê tại địa chỉ số 32 Mạc Đình Chi, P. Đakao, Q.1, Tp. HCM.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Song song với việc tăng vốn điều lệ, lành mạnh hóa tình hình tài chính và giảm vốn vay ngân hàng, các kế hoạch về lợi nhuận và cổ tức của Công ty là hoàn toàn khả thi. Hiện tại, với việc thiếu hụt vốn kinh doanh, đã tạo ra gánh nặng về chi phí lãi vay (riêng năm 2006 đã là 11,07 tỷ) cho Công ty. Việc phát hành cổ phiếu tăng vốn của



Công ty là cần thiết và hiện nay khi Công ty đang đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội và chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM thì việc huy động vốn tương đối thuận lợi, và do đó Công ty hoàn toàn có thể đạt được các kế hoạch lợi nhuận và cổ tức như đã dự kiến.



16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Các thông tin tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu

Không có.



V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán

Toàn bộ chứng khoán niêm yết là Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phần

Mệnh giá mỗi cổ phần thống nhất là 10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số lượng chứng khoán niêm yết

Tổng số chứng khoán niêm yết là 11.800.000 cổ phần.

4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và của tổ chức phát hành

Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng là 4.341.502 cổ phần, đây là tổng số cổ phần do thành viên của HĐQT, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng nắm giữ cam kết hạn chế chuyển nhượng 100% số cổ phần nói trên trong 06 tháng kể từ ngày niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM và hạn chế 50% số cổ phiếu đó trong 06 tháng tiếp theo.

5. Giá trị cổ phần ICF

5.1 Giá sổ sách

Giá sổ sách của cổ phần Công ty tại thời điểm 30/06/2007:

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Nguồn vốn, quỹ}}{\text{Số cổ phần}} = \frac{131.468.658.763}{11.800.000} = 11.141 \text{ đồng}$$

5.2 Giá so sánh

Giá so sánh của cổ phiếu ICF được tính toán theo phương pháp chỉ số giá thu nhập. Phương pháp này dựa trên thu nhập năm 2006 của ICF và hệ số giá trên thu nhập bình quân của các công ty có chứng khoán đang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại thời điểm 20/09/2007.

Hệ số bình quân P/E trên thị trường là: 27,16

Lợi nhuận sau thuế năm 2006 của ICF: 11.246.606.787 đồng

Số lượng cổ phần hiện tại: 11.800.000 cổ phần

Số lượng cổ phần bình quân năm 2006 : 6.297.092 cổ phần

Thu nhập 1 cổ phần: $11.246.606.787 / 6.297.092 = 1.786$ đồng

Giá trị mỗi cổ phần = $1.786 \times 27,16 = 48.507$ đồng

Vậy giá so sánh của Cổ phiếu ICF là 48.507 .



5.3 Giá giao dịch bình quân trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Giá giao dịch bình quân trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội trong khoảng thời gian từ 15/10/2007 đến 20/10/2007 là 52.380 đồng/cổ phiếu.

5.4 Giá trị nội tại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền

Do Công ty có nhiều dự án tốt, có khả năng mang lại doanh thu, lợi nhuận cao cho Công ty trong tương lai nên các cách tính giá cổ phiếu dựa trên số liệu quá khứ sẽ không chính xác.

Theo phương pháp chiết khấu dòng ngân lưu sau thuế, có kể đến hiệu quả của những dự án trong tương lai, giá trị nội tại mỗi cổ phiếu của Công ty là 50.000 đồng.

Qua sự so sánh giữa các phương pháp tính giá trên, dự kiến giá niêm yết của một Cổ phiếu ICF là 50.000 đồng.

6. Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài. Sau khi chứng khoán của Công ty được niêm yết, các giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài sẽ phụ thuộc vào các quy định của pháp luật.

Tại thời điểm hiện tại, theo Quyết định 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào thị trường chứng khoán Việt Nam, tỷ lệ nắm giữ tối đa của bên nước ngoài vào 1 công ty niêm yết là 49%.

7. Các loại thuế liên quan

Hiện nay, Công ty đang chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15%, được miễn 3 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2005) và được giảm 50% cho 7 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2014). Sau khi đăng ký tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Công văn 10997/BTC-CST ngày 08/09/2006 của Bộ Tài chính về việc ưu đãi thuế TNDN đối với tổ chức niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán, Công ty sẽ được giảm 50% thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể ngày Công ty có cổ phiếu đăng ký giao dịch trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội trước ngày 01/01/2007. Khi chuyển sang niêm yết trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh Công ty vẫn được mức thuế suất ưu đãi trên. Như vậy, Công ty được hưởng giảm 50% thuế thu nhập cho 2 năm tiếp theo: năm 2015 và năm 2016.

Hiện nay, mức thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là 5% và 10%. Thuế xuất khẩu cho các mặt hàng của Công ty là 0%. Ngoài ra, đối với các nguyên vật liệu nhập khẩu, Công ty chỉ phải tạm nộp thuế, khi xuất hàng sản xuất từ nguyên vật liệu này, Công ty sẽ được hoàn lại.



VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Trụ sở : 56 – 68 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (848) 8 218 666 Fax: (848) 8 214 891

2. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC AISC

Địa chỉ : 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP.HCM

Điện thoại : (848) 9 305 163 Fax: (848) 9 304 281

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
- 2. Phụ lục 2: Điều lệ tổ chức và hoạt động**
- 3. Phụ lục 3: Báo cáo kiểm toán 2005, 2006, Báo cáo tài chính Quý 2/2007 và Báo cáo tài chính Quý 3/2007**



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 11 năm 2007

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THỊ KIM XUÂN

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Trưởng Ban Kiểm soát

TRỊNH BÁ HOÀNG NGUYỄN THỊ THU THỦY NGUYỄN THỊ NGỌC THẢO

TỔ CHỨC TƯ VẤN – CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

Tổng Giám đốc



BÙI VIỆT

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ KINH DOANH
CÔNG TY CỔ PHẦN
Số : **064100**

*Đăng ký lần đầu, ngày 01 tháng 09 năm 1999
Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 16 tháng 10 năm 2007*

1. Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ - THƯƠNG MẠI - THỦY SẢN**

Tên viết tắt: **INVESTMENT COMMERCE FISHERIES CORPORATION**

2. Địa chỉ trụ sở chính : **Lô Số A77/I, Đường Số 7 Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc, Phường Bình Hưng Hòa B, Quận Bình Tân**

3. Ngành, nghề kinh doanh : *Nuôi trồng thủy sản; chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; dịch vụ thủy sản : dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá-tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản. Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt. Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả. Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột. Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai. Sản xuất nước đá. Xây dựng công nghiệp-dân dụng-cầu đường. Nhà hàng ăn uống, giải khát. Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng , văn phòng, kho bãi. Mua bán hàng nông-lâm-thủy-hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng gỗ gia dụng. Đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa. Đào tạo nghề./.*

4. Vốn điều lệ : **368.000.000.000 đ (Ba trăm sáu mươi tám tỷ đồng).**

Trong đó: Hiện kim: 368.000.000.000 đồng

5. Danh sách cổ đông sáng lập:

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (nghìn đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số Giấy chứng minh nhân dân
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	19 Phụng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1	2.348.522	23.485.220	6,38	020368813

2	Nguyễn Thị Kim Thủy	19 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1	971.000	9.710.000	2,64	020051899
3	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	147 Trần Hữu Trang, Phường 10, Quận Phú Nhuận	12.480	124.800	0,03	021877809

6. Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Họ và tên : **TRINH BÁ HOÀNG**

(Nam)

Sinh ngày: **01/8/1960**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Số chứng minh nhân dân số : **201372675**

Ngày cấp : **14/12/1994**

Nơi cấp : **Tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú : **15 Lê Lai, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng**

Chỗ ở hiện tại : **4A1-6 sky garden 2. khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Phong, Quận 7**

Chữ ký:



7. Tên, địa chỉ chi nhánh :

- Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Thủy Sản

Địa chỉ 106 Nguyễn Đình Chiểu, Phường ĐaKao, Quận 1

 **Trưởng phòng đăng ký kinh doanh**
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Phó Trưởng phòng



Trần Anh Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
(INCOMFISH)**

**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**



TP. Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2007

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Định nghĩa.....	5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	7
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	8
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	8
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	9
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	9
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	10
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	11
quy định khác.....	11
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	11
Điều 9. Thu hồi cổ phần	11
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý	13
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 11. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 15. Các đại diện được ủy quyền.....	17
Điều 16. Thay đổi các quyền	18
Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	19
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông..	21

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	23
Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	29
Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	30
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	35
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 30. Cán bộ quản lý	35
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành	35
Điều 32. Thư ký Công ty	37
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	38
Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	38
Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	38
Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	39
X. BAN KIỂM SOÁT	41
Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát.....	41
Điều 37. Ban kiểm soát.....	42
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	44
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	44
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	45
Điều 39. Công nhân viên và công đoàn.....	45
XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	46
Điều 40. Cổ tức	46

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	47
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	48
Điều 42. Tài khoản ngân hàng.....	48
Điều 43. Các Quỹ trích lập theo quyết định của ĐHĐCĐ	48
Điều 44. Năm tài khóa	48
Điều 45. Hệ thống kế toán	49
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	50
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	50
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	50
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	51
Điều 48. Kiểm toán.....	51
XVII. CON DẤU.....	52
Điều 49. Con dấu	52
XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	53
Điều 50. Chấm dứt hoạt động.....	53
Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông.....	53
Điều 52. Gia hạn hoạt động	53
Điều 53. Thanh lý	53
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	55
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	55
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	56
Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	56
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	57
Điều 56. Ngày hiệu lực	57
Điều 57. Con dấu, chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty./.....	57

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của **Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản** (dưới đây gọi là Công ty) được xây dựng căn cứ vào Luật Doanh nghiệp năm 2005, các quy định của pháp luật Việt Nam về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ mẫu cho các công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán / Trung tâm giao dịch chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 15/2007/QĐ-BTC ngày 19 tháng 03 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp hiện hành liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được cổ đông của Công ty thông qua theo nghị quyết hợp lệ của Đại Hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày 20/04/2007.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.
 - c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
 - d. "Cán bộ quản lý" là Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành, Phó giám đốc hoặc Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - e. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.
 - f. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt:
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thương Mại Thủy Sản
- Tên tiếng Anh:
Investment Commerce Fisheries Corporation
- Tên giao dịch:
INCOMFISH CORP.
- Tên viết tắt:
INCOMFISH

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ: Lô số A77/I, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: 84(8) 7.652152 - 7.653.145
- Fax: 84(8) 7.652.162 - 7.653.136
- E-mail: incomfish@incomfish.com
- Website: www.incomfish.com

4. Người Đại diện theo pháp luật của công ty là Tổng giám đốc đương nhiệm của công ty.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị công ty sẽ thông báo danh tính người này cho tất cả cổ đông và các cơ quan liên quan khi có sự thay đổi về nhân sự.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 50.2 và Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và có thời hạn là 50 năm.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là :

- Nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Dịch vụ thủy sản: dịch vụ thu gom, vận chuyển thủy sản sống, dịch vụ cung cấp thức ăn nuôi thủy sản, ương cá – tôm giống, chế biến cá và thủy sản trên tàu, dịch vụ cung cấp nước đá ướp lạnh, bảo quản thủy sản;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản rau quả và các sản phẩm từ rau quả;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai;
- Sản xuất nước đá;
- Xây dựng công nghiệp – dân dụng – cầu đường;
- Nhà hàng ăn uống, giải khát.
- Mua bán và cho thuê nhà ở, nhà xưởng, văn phòng, kho bãi.
- Mua bán hàng nông lâm thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, hàng dệt may, hàng thủ công mỹ nghệ, gỗ gia dụng.
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa..

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh nhằm tạo nguồn thu nhập cho các Cổ đông, giải quyết việc làm cho người lao động và thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn và pháp luật không cấm.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 368.000.000.000 VNĐ (Ba trăm sáu mươi tám tỉ đồng chẵn)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 36.800.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, cổ phần ưu đãi cổ tức. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của bản Điều lệ.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, giá và cơ cấu phát hành được Đại hội đồng cổ đông đồng ý thông qua như sau:

- Bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 50% tổng số lượng cổ phần phát hành theo giá bằng giá trị 2/3 giá tham chiếu bình quân trong 10 ngày liên tiếp trước ngày phát hành.

- Bán cho người lao động tại công ty theo tỷ lệ 5% tổng số lượng cổ phần phát hành theo giá bằng giá trị 2/3 giá tham chiếu bình quân trong 10 ngày liên tiếp trước ngày phát hành.

- Bán cho cổ đông chiến lược và các cổ đông có quan hệ đặc biệt đến sự phát triển của công ty theo tỷ lệ 5% tổng số lượng cổ phần phát hành theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị quyết định.

- Bán ra công chúng theo tỷ lệ 40% tổng số lượng cổ phần phát hành theo hình thức đấu giá công khai hoặc giá thỏa thuận .

- Trường hợp khác do ĐHĐCĐ quyết định.

Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua là 20 ngày làm việc sau ngày thông báo và thời hạn thanh toán là 10 ngày sau ngày đăng ký mua. Số cổ phần

cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 60 ngày (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới là mười ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã

sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tháng/năm với % lãi suất cho vay thương mại của ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi chậm nhất là 15 ngày. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần có các quyền sau:

A. Cổ phần phổ thông

a. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền;

b. Nhận cổ tức;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

B. Cổ phần ưu đãi cổ tức

- a. Được trả cổ tức cao hơn 25% mức cổ tức cổ phần phổ thông nhận được cùng kỳ theo quyết định của ĐHĐCĐ. Nếu năm nào cổ phần phổ thông không được chia cổ tức thì cổ phần ưu đãi cổ tức cũng không được hưởng số cổ tức đó.
- b. Khi Công ty giải thể, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty, sau khi Công ty đã thanh toán hết cho chủ nợ;
- c. Cổ phần ưu đãi cổ tức khi chuyển nhượng sẽ tự động chuyển thành cổ phần phổ thông
- d. Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ các quyền biểu quyết, quyền dự họp ĐHĐCĐ, quyền đề cử người vào HĐQT, BKS

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.3 và Điều 36.2;
- b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;
3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
4. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần vào **ngày thứ sáu tuần thứ 4 của tháng 03 hàng năm**, trường hợp tổ chức sớm hơn hoặc gia hạn do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không được quá ngày 30 tháng 4 trong năm.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên tại địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan;
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d. Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;

i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

n. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Các hợp đồng quy định tại Điều 14.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;

c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể được đặt trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông hoặc đăng báo thư mời kèm với thông báo họp

Đại hội đồng cổ đông trên 2 số báo chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức Đại hội.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất [ba] ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng ;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc là người được Đại hội đồng cổ đông bầu ra sẽ chủ trì. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên Hội đồng quản trị chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của Đại hội đồng cổ đông, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Đại hội đồng cổ đông bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công

việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều 19, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc đề đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

9. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh

doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ .

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Tiêu chuẩn thành viên HĐQT:

- a. Là cổ đông hoặc không là cổ đông được cổ đông đề cử;
- b. Có trình độ đại học và có trên 5 năm kinh nghiệm quản lý;
- c. Phải có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi. Trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành luật pháp;

2. 03 thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

f. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;

h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;

k. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình

k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo điều 117 Luật Doanh nghiệp. Tổng mức thù lao (ngoài lương cho chức danh điều hành trực tiếp) cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông uỷ nhiệm cho Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ

tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định một thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền được nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định anh ta là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chỉ định anh ta không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.

3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định anh ta không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.

4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản

thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn một ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp; Lịch họp thường kỳ được quy định vào **ngày thứ sáu, tuần thứ 3 của các tháng 1, 3, 5, 7, 9 và 11 hàng năm**. Chủ tịch có thể triệu tập họp vào thời điểm bất kỳ khác nhưng phải thông báo ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
- b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 phải được tiến hành tại trụ sở chính của công ty trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 28 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp của các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 28 sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ

khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 28, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Khoản 9d Điều 28, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 34.4a và Điều 34.4b của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai

bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Theo Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản. Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

a. Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;

b. Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành, một số Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 30. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Theo điều 117 Luật Doanh nghiệp, mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ. Theo Điều 26 của Điều lệ này, Tổng giám đốc điều hành có thể không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là ba năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc

điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 32. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 34. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp

đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 35. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường. Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm

những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;

e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và

h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Lịch họp thường kỳ được quy định vào **ngày thứ sáu tuần thứ 2 của tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm**. Ban kiểm soát có thể giảm số lượng lần họp nhưng phải tổ chức tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Theo điều 125 Luật Doanh nghiệp, tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định, tuy nhiên theo thực

tế hoạt động trong năm, Hội đồng quản trị có thể chấp thuận một mức thù lao có thể cao hơn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 24.3 và Điều 36.2 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả cho các cổ đông theo tỷ lệ 60% từ lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước và chủ nợ; Trường hợp khác do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc

người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, CÁC QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43. Các Quỹ trích lập theo quyết định của ĐHĐCĐ

1. Hàng năm, Công ty sẽ trích theo tỷ lệ 40% từ lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước và chủ nợ để lập các quỹ sau:

- Quỹ phát triển sản xuất: Trích 15% (mười lăm) cho đến khi quỹ này bằng 30% (ba mươi) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty theo kết quả kiểm toán năm tài chính trước liền kề.
- Quỹ dự phòng rủi ro: Trích 10% (mười) cho đến khi quỹ này bằng 30% (ba mươi) tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty theo kết quả kiểm toán năm tài chính trước liền kề.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: Trích 5% (năm) cho đến khi quỹ này bằng 30% (ba mươi) vốn điều lệ của Công ty;
- Quỹ phúc lợi, khen thưởng: Trích 10% (mười) đến mức tối đa bằng 6 (sáu) tháng lương bình quân căn cứ theo tổng quỹ lương thực chi trong năm tài chính trước liền kề.
- Tỷ lệ trích các quỹ có thể điều phối bổ sung cho đến khi các quỹ đã đủ như quy định, số còn dư lại được bổ sung vào cổ tức chia cho các Cổ đông trong năm tài chính tiếp theo.

2. Công ty có thể trích lập thêm các loại quỹ khác và sử dụng các quỹ này theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 44. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên

bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó.

Điều 45. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVII. CON DẤU

Điều 49. Con dấu

1. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 50. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 51. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành

lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm XXI chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (INCOMFISH) nhất trí thông qua ngày 10 tháng 8 năm 2007 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 1 năm 2007 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 25 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. 01 bản lưu trữ tại Văn phòng Công ty;
- d. 18 bản chuyển giao cho thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và các cổ đông được quy định tại điều 11.3 Điều lệ này khi có yêu cầu.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Điều 57. Con dấu, chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Đại diện pháp luật của Công ty

Mẫu dấu Công ty

Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

Chủ tịch



Trịnh Bá Hoàng

Nguyễn Thị Kim Xuân

Phụ lục Điều lệ Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản ngày 10/08/2007

Danh sách cổ đông sáng lập ngày 10/08/2007 :

TT	Tên cổ đông	Số CP nắm giữ tại thời điểm thành lập (mệnh giá 1.000.000 đ/cp)	Tỷ lệ	Số CP nắm giữ tại thời điểm 10/08/2007 (mệnh giá 10.000 đồng/cp)			Tỷ lệ
				Tổng cộng	CP ưu đãi	CP phổ thông	
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	4.800	48,0%	2.348.522	0	2.348.522	19,90%
2	Nguyễn Thị Kim Thủy	1.000	10,0%	971.000	0	971.000	8,23%
3	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	100	1,0%	12.480	0	12.480	0,11%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

Đại diện pháp luật của Công ty

Mẫu dấu Công ty

Hội đồng Quản trị

Tổng Giám đốc

Chủ tịch



Trịnh Bá Hoàng

Nguyễn Thị Kim Xuân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

(QUÝ 3 / 2007)

I-A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	164,471,350,437	114,705,994,170
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	5,019,214,715	9,621,437,814
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	777,600,000	757,600,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	53,157,863,312	34,334,885,443
4	Hàng tồn kho	101,143,319,469	67,506,929,358
5	Tài sản ngắn hạn khác	4,373,352,941	2,485,141,555
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	130,591,966,945	131,991,407,648
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	73,365,365,214	75,165,071,119
	- TSCĐ hữu hình	54,204,540,802	52,046,563,340
	- TSCĐ thuê tài chính	10,001,259,740	10,333,579,873
	- TSCĐ vô hình	4,356,688,446	4,428,686,889
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4,802,876,226	8,356,241,017
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	43,475,719,000	39,600,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	13,750,882,731	17,226,336,529
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	295,063,317,382	246,697,401,818
IV	NỢ PHẢI TRẢ	157,616,381,188	115,219,240,705
1	Nợ ngắn hạn	149,592,390,388	106,584,701,484
2	Nợ dài hạn	8,023,990,800	8,634,539,221
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	137,446,936,194	131,478,161,113
1	Vốn chủ sở hữu	137,437,533,844	131,468,658,763
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	118,000,000,000	118,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	4,016,097,000	4,016,097,000
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Các quỹ	76,178,468	76,178,468
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15,345,258,376	9,376,383,295
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ	9,402,350	9,502,350
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	9,402,350	9,502,350
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TCD		
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	295,063,317,382	246,697,401,818

II-A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ ĐẾN 30.09.07
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	80,821,525,622	220,282,805,920
2	Các khoản giảm trừ		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	80,821,525,622	220,282,805,920
4	Giá vốn hàng bán	65,495,257,294	184,324,495,037
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15,326,268,328	35,958,310,883
6	Doanh thu hoạt động tài chính	256,835,612	1,256,776,055
7	Chi phí tài chính	1,882,306,437	5,477,198,082
8	Chi phí bán hàng	4,240,719,017	10,574,945,956
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	3,634,338,405	7,295,777,161
10	Thu nhập khác	143,135,000	182,698,000
12	Chi phí khác		460,807,386
13	Lợi nhuận khác	143,135,000	(278,109,386)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5,968,875,081	13,589,056,353
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5,968,875,081	13,589,056,353
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	506	1,152
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		



Tổng Giám đốc

Trịnh Bá Hoàng



MÃ CK: ICF

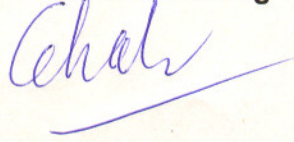
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Quý 3 năm 2007)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		65,487,458,267	145,502,519,759
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02		(97,379,291,237)	(114,863,262,193)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3,897,259,745)	(7,859,157,384)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1,160,529,924)	(3,026,729,450)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12,814,414,984	21,429,681,675
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(7,441,220,054)	(15,300,115,384)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(31,576,427,709)	25,882,937,023
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		281,965,286	20,558,120
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		281,965,286	20,558,120
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của công ty	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		99,397,090,913	116,127,027,442
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(72,704,851,589)	(136,657,399,204)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			(1,600,000,000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		26,692,239,324	(22,130,371,762)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(4,602,223,099)	3,773,123,381
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		9,621,437,814	5,838,342,702
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			9,971,731
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		5,019,214,715	9,621,437,814

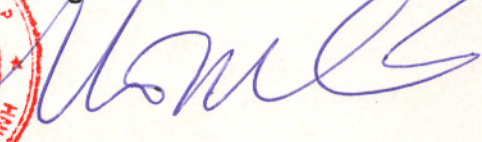
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Thủy



Tổng Giám đốc



Trịnh Bá Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

		Đơn vị tính: VND		
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		133.130.150.060	92.123.278.713
I. Tiền	110		5.838.342.702	7.316.653.579
1. Tiền	111	V.01	5.838.342.702	7.316.653.579
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.02	37.271.378.620	23.471.312.281
1. Phải thu khách hàng	131		29.663.543.826	19.526.813.996
2. Trả trước cho người bán	132		5.219.928.499	3.762.865.228
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		2.856.830.692	645.082.155
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(468.924.397)	(463.449.098)
IV. Hàng tồn kho	140	V.03	86.473.149.777	59.927.826.963
1. Hàng tồn kho	141		86.473.149.777	59.927.826.963
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.547.278.961	1.407.485.890
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.131.213.028	1.148.059.967
3. Các khoản thuế phải thu	154	V.04	171.801.498	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	244.264.435	259.425.923
B. Tài sản dài hạn	200		125.931.942.847	107.552.236.940
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		74.734.673.185	80.561.230.031
1. TSCĐ hữu hình	221	V.06	50.820.712.554	55.014.938.051
- Nguyên giá	222		67.656.171.763	67.593.710.292
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.835.459.209)	(12.578.772.241)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	V.07	10.987.383.614	12.360.762.783
- Nguyên giá	225		16.470.216.407	16.470.216.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.482.832.793)	(4.109.453.624)
3. TSCĐ vô hình	227	V.08	4.570.336.000	4.855.982.000
- Nguyên giá	228		5.712.920.000	5.712.920.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.142.584.000)	(856.938.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.09	8.356.241.017	8.329.547.197
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		39.600.000.000	15.115.224.100
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	39.600.000.000	15.115.224.100
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	229		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.597.269.662	11.875.782.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	11.597.269.662	11.875.782.809
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		259.062.092.907	199.675.515.653

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		135.213.615.416	146.583.763.371
I. Nợ ngắn hạn	310		127.189.624.616	133.977.907.770
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	62.460.945.486	78.667.474.263
2. Phải trả cho người bán	312	V.13	51.590.102.147	51.832.457.995
3. Người mua trả tiền trước	313	V.13	667.490.629	2.228.100
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.14	13.769.570	43.694.217
5. Phải trả công nhân viên	315	V.15	2.036.933.391	1.751.766.028
6. Chi phí phải trả	316	V.16	10.689.298	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	10.409.694.095	1.680.287.167
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.023.990.800	12.605.855.601
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
3. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	8.023.990.800	12.605.855.601
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400	V.19	123.848.477.491	53.091.752.282
I. Nguồn vốn - Quỹ	410		123.848.477.491	54.199.240.704
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		118.000.000.000	51.949.020.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.016.097.000	11.664.447.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.897.168	10.897.168
7. Quỹ dự phòng tài chính	418		65.281.300	65.281.300
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.756.202.023	(9.490.404.764)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		-	(1.107.488.422)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421		-	(1.107.488.422)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		259.062.092.907	199.675.515.653

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 02 tháng 02 năm 2007

Tổng Giám đốc

Võ Minh Phương

Trịnh Bá Hoàng



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

PHẦN I - LÃI, LỖ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2006	Năm 2005
1. Doanh thu bán hàng	01		283.304.651.862	281.221.522.260
2. Các khoản giảm trừ	03		151.170.930	19.102.236
3. Doanh thu thuần	10	VI.20	283.153.480.932	281.202.420.024
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.21	241.544.867.020	249.524.281.712
5. Lợi nhuận gộp	20		41.608.613.912	31.678.138.312
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22	58.437.733	1.103.651.808
7. Chi phí tài chính	22	VI.23	11.516.732.435	7.640.078.439
- Trong đó: lãi vay	23		11.066.461.077	7.471.198.897
8. Chi phí bán hàng	24		10.216.387.751	11.517.581.527
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8.322.692.083	7.719.426.888
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		11.611.239.376	5.904.703.266
11. Thu nhập khác	31	VI.25	1.991.377.579	649.634.675
12. Chi phí khác	32	VI.26	2.356.010.168	4.786.066.475
13. Lợi nhuận khác/(lỗ) (31-32)	40		(364.632.589)	(4.136.431.800)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế/(lỗ) (30+33)	50		11.246.606.787	1.768.271.466
15. Chi phí thuế doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		11.246.606.787	1.768.271.466
18. Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu (đ/CP)	70		1.786	340

Người lập biểu

Kế toán trưởng

[Signature]

Võ Minh Phương

TP.HCM, ngày 02 tháng 02 năm 2007

Tổng Giám đốc



[Signature]

Trịnh Bá Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.246.606.787	1.768.271.466
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	5.915.712.137	6.055.785.704
Các khoản dự phòng	03	5.475.299	463.449.098
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	-	-
Chi phí lãi vay	06	11.066.461.077	7.471.198.897
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	28.234.255.300	15.758.705.165
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(14.837.846.287)	19.719.507.164
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(26.545.322.814)	(6.034.779.855)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	9.407.556.325	(5.510.115.475)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	278.513.147	4.194.806.168
Tiền lãi vay đã trả	13	(11.055.771.779)	(6.116.917.798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	239.285.152
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	83.006.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(14.518.616.108)	22.333.497.455
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(89.155.291)	(1.950.383.644)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.484.775.900)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(24.573.931.191)	(1.950.383.644)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	53.684.750.000	3.809.970.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	249.127.803.171	276.739.754.170
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(262.798.316.749)	(297.990.539.962)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.400.000.000)	1.842.193.680
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	37.614.236.422	(15.598.622.112)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(1.478.310.877)	4.784.491.699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7.316.653.579	2.532.161.880
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối kỳ	70	5.838.342.702	7.316.653.579

TP HCM, ngày 02 tháng 02 năm 2007

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Võ Minh Phương

Trịnh Bá Hoàng

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		92.123.278.713	101.602.187.521
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		7.316.653.579	2.532.161.880
1. Tiền	111	3	7.316.653.579	2.532.161.880
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	4	23.730.738.204	42.114.467.211
1. Phải thu khách hàng	131		19.526.813.996	34.991.574.207
2. Trả trước cho người bán	132		3.762.865.228	3.276.750.341
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây c	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		904.508.078	3.846.142.663
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(463.449.098)	-
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5	59.927.826.963	53.893.047.108
1. Hàng tồn kho	141		59.927.826.963	53.893.047.108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150	6	1.148.059.967	3.062.511.322
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Các khoản thuế phải thu	152		1.148.059.967	3.055.929.670
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	6.581.652
B. Tài sản dài hạn	200	TS	107.552.236.940	115.737.221.068
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		80.561.230.031	90.618.932.939
1. TSCĐ hữu hình	221	7	55.014.938.051	58.072.624.403
- Nguyên giá	222		67.593.710.292	66.467.338.176
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.578.772.241)	(8.394.713.773)
2. TSCĐ thuê tài chính	224	7	12.360.762.783	13.734.062.805
- Nguyên giá	225		16.470.216.407	16.470.216.407
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.109.453.624)	(2.736.153.602)
3. TSCĐ vô hình	227	7	4.855.982.000	11.306.710.062
- Nguyên giá	228		5.712.920.000	12.782.322.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(856.938.000)	(1.475.612.161)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	8.329.547.197	7.505.535.669
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		15.115.224.100	15.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	9	15.115.224.100	15.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		11.875.782.809	10.118.288.129
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	11.875.782.809	10.118.288.129
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		199.675.515.653	217.339.408.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

Đơn vị tính: VND



NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Nợ phải trả	300		146.583.763.371	169.908.904.707
I. Nợ ngắn hạn	310		131.577.907.770	149.671.537.808
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	76.267.474.263	94.529.839.974
2. Phải trả cho người bán	312	12	51.832.457.995	49.415.537.795
3. Người mua trả tiền trước	313	12	2.228.100	287.123.200
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		43.694.217	250.237.501
5. Phải trả công nhân viên	315	14	1.751.766.028	-
6. Chi phí phải trả	316		-	430.239.845
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	1.680.287.167	4.758.559.493
II. Nợ dài hạn	320		15.005.855.601	20.237.366.899
1. Phải trả dài hạn người bán	321		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	322		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	323		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	324	15	15.005.855.601	20.237.366.899
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	325		-	-
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	400		53.091.752.282	47.430.503.882
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.199.240.704	48.620.999.238
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	51.949.020.000	48.139.050.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	16	11.664.447.000	11.664.447.000
3. Cổ phiếu ngân quỹ	413		-	-
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	414		-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	416	18	10.897.168	10.897.168
7. Quỹ dự phòng tài chính	417	18	65.281.300	65.281.300
8. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		-	-
9. Lợi nhuận chưa phân phối	419	17	(9.490.404.764)	(11.258.676.230)
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	420		(1.107.488.422)	(1.190.495.356)
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	421	18	(1.107.488.422)	(1.190.495.356)
2. Nguồn kinh phí	422		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	423		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		199.675.515.653	217.339.408.589

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận ký gởi	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
5. Ngoại tệ tiền mặt và tiền gởi NH	-	-
6. Hạn mức kinh phí còn lại	-	-
7. Nguồn vốn khấu hao cơ bản hiện nay	17.545.163.865	12.606.479.536

Người lập

Kế toán trưởng

TP. HCM, ngày 22 tháng 6 năm 2006

Giám đốc

Võ Minh Phương

Trịnh Bá Hoàng

Trang 5/22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

PHẦN I - LÃI, LỖ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01		281.221.522.260	177.037.569.953
2. Các khoản giảm trừ	03		19.102.236	11.256.487
3. Doanh thu thuần	10	19	281.202.420.024	177.026.313.466
4. Giá vốn hàng bán	11		249.524.281.712	158.686.607.410
5. Lợi nhuận gộp	20		31.678.138.312	18.339.706.056
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.103.651.808	695.447.366
7. Chi phí tài chính	22	21	7.640.078.439	9.432.030.566
- Trong đó: lãi vay	23		7.471.198.897	8.174.001.426
8. Chi phí bán hàng	24		11.517.581.527	7.228.183.742
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.719.426.888	6.154.008.282
10. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	30		5.904.703.266	(3.779.069.168)
11. Thu nhập khác	31	22	649.634.675	425.606.630
12. Chi phí khác	32	23	4.786.066.475	1.685.526.342
13. Lợi nhuận khác/(lỗ)	40		(4.136.431.800)	(1.259.919.712)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế/(lỗ)	50		1.768.271.466	(5.038.988.880)
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế/(lỗ)	60		1.768.271.466	(5.038.988.880)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	Mã	Số còn phải số nộp kỳ trước	Số phải nộp kỳ này	Số đã nộp kỳ này	Số còn phải nộp cuối kỳ
I. Thuế	10	250.237.501	126.932.686	333.475.970	43.694.217
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	4.739.231	-	4.739.231	-
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		5.500.628	5.500.628	
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13				
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14				
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	101.243.313	-	101.243.313	-
6. Thu trên vốn	16				
7. Thuế TNDN và GTGT khâu lưu thông	17				
8. Thuế tài nguyên	18				
9. Thuế nhà đất	19				
10. Tiền thuê đất	20				
11. Các loại thuế khác	21	144.254.957	121.432.058	221.992.798	43.694.217
II. Các khoản phải nộp khác	30	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	31				
2. Các khoản phí, lệ phí	32				
3. Các khoản phải trả khác	33				
Tổng Cộng	40	250.237.501	126.932.686	333.475.970	43.694.217

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

Phần III-Thuế GTGT được khấu trừ, được hoàn lại, thuế GTGT hàng bán nội địa

CHỈ TIÊU	Mã số	Số tiền
I. Thuế GTGT được khấu trừ		
1. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại đầu kỳ	10	3.055.929.670
2. Số thuế GTGT được khấu trừ phát sinh	11	3.085.671.684
3. Số thuế GTGT đã được khấu trừ, đã được hoàn lại	12	4.993.541.387
Trong đó:		
- Số thuế GTGT đã khấu trừ	13	439.991.320
- Số thuế GTGT đã hoàn lại	14	4.521.360.807
- Số thuế GTGT hàng mua trả lại, giảm giá hàng mua	15	-
- Số thuế GTGT không được khấu trừ	16	32.189.260
4. Số thuế GTGT còn được khấu trừ, còn được hoàn lại cuối kỳ	17	1.148.059.967
II. Thuế GTGT được hoàn lại		
1. Số thuế GTGT còn được hoàn lại đầu kỳ	20	-
2. Số thuế GTGT được hoàn lại	21	4.521.360.807
3. Số thuế GTGT đã hoàn lại	22	4.521.360.807
4. Số thuế GTGT còn được hoàn lại cuối kỳ	23	-
III. Thuế GTGT được giảm		
1. Số thuế GTGT còn được giảm đầu kỳ	30	-
2. Số thuế GTGT được giảm	31	-
3. Số thuế GTGT đã được giảm	32	-
4. Số thuế GTGT còn được giảm cuối kỳ	33	-
IV. Thuế GTGT hàng bán nội địa		
1. Số thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp đầu kỳ	40	4.739.231
2. Số thuế GTGT đầu ra phát sinh	41	439.991.320
3. Số thuế GTGT đầu vào đã khấu trừ	42	439.991.320
4. Thuế GTGT hàng bán bị trả lại, bị giảm giá	43	-
5. Thuế GTGT được giảm trừ vào số thuế phải nộp	44	-
6. Thuế GTGT hàng bán nội địa đã nộp vào ngân sách nhà nước	45	4.739.231
7. Số thuế GTGT hàng bán nội địa còn phải nộp cuối kỳ	46	-

Tp.HCM, ngày 22 tháng 6 năm 2006

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Chữ ký)



(Chữ ký)

Võ Minh Phương

Trịnh Bá Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI THỦY SẢN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2005

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Năm nay
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
Lợi nhuận trước thuế	01	1.768.271.466
Điều chỉnh cho các khoản		
Khấu hao tài sản cố định	02	6.055.785.704
Các khoản dự phòng	03	463.449.098
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-
Lãi/lỗ do từ hoạt động đầu tư	05	-
Chi phí lãi vay	06	7.471.198.897
Lợi nhuận thay đổi vốn lưu động	08	15.758.705.165
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	19.719.507.164
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(6.034.779.855)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(5.510.115.475)
Tăng/ giảm chi phí trả trước	12	4.194.806.168
Tiền lãi vay đã trả	13	(6.116.917.798)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	239.285.152
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	83.006.934
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.333.497.455
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(1.950.383.644)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ	23	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ	24	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.950.383.644)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	3.809.970.000
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	33	276.739.754.170
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(297.990.539.962)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	1.842.193.680
Cổ tức, lợi nhuận trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.598.622.112)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	4.784.491.699
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.532.161.880
Tiền tồn cuối kỳ	70	7.316.653.579

Người lập

Kế toán trưởng

Tp.HCM, ngày 22 tháng 6 năm 2006

Giám đốc

